



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 43

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

30-7-2012	Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND về ban hành mức thu, sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	5
30-7-2012	Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND về việc thu phí trông giữ xe trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	7
06-8-2012	Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế thu, quản lý và sử dụng quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	11

#### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

16-7-2012	Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND về sửa đổi Khoản 2 Điều 3 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân ban hành kèm theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân.	15
-----------	--	----

- |           |  |    |
|-----------|--|----|
| 17-7-2012 | Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND về sửa đổi Điều 7 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường ban hành kèm theo Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 08 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân. | 17 |
|-----------|--|----|

#### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

- |           |   |    |
|-----------|---|----|
| 17-7-2012 | Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành. | 19 |
|-----------|---|----|

#### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

- |           |  |    |
|-----------|--|----|
| 27-6-2012 | Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình. | 30 |
|-----------|--|----|

- |           |   |    |
|-----------|---|----|
| 05-7-2012 | Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động. | 39 |
|-----------|---|----|

#### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

- |           |   |    |
|-----------|---|----|
| 24-7-2012 | Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 6 và Điều 10 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú ban hành kèm theo Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú. | 42 |
|-----------|---|----|

#### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

25-7-2012	Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực thi hành.	44
06-8-2012	Chỉ thị số 04/2012/CT-UBND về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013 và Kế hoạch đầu tư ngân sách Nhà nước 03 năm 2013 - 2015.	47

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

23-7-2012	Quyết định số 3741/QĐ-UBND về việc điều chỉnh giới hạn một số tuyến đường trên địa bàn các quận 1, 3, 5, 10, Tân Bình, Phú Nhuận và Bình Thạnh.	58
24-7-2012	Quyết định số 3792/QĐ-UBND về chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	62
31-7-2012	Quyết định số 3905/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015.	66
01-8-2012	Quyết định số 3911/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012.	87

### SỞ CÔNG THƯƠNG

22-6-2012	Hướng dẫn số 4619/SCT-QLNL về hướng dẫn triển khai việc thực hiện dán nhãn năng lượng theo Quyết định số 51/2011/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2012/TT-BCT về dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng.	92
-----------	--	----

## SỞ Y TẾ

25-6-2012      Hướng dẫn số 3426/HD-SYT-KHHGD thi hành một số Điều của Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015.      97

# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2012/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2012*

### QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành mức thu, sử dụng lệ phí  
cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô**

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 66/2011/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố, khóa VIII, kỳ họp thứ 5 về ban hành mức thu và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành mức thu lệ phí cấp, đổi Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô của Sở Giao thông vận tải như sau:

- Mức thu lệ phí cấp giấy phép lần đầu: 200.000 đồng/giấy phép (Hai trăm ngàn đồng mỗi giấy phép);

- Mức thu lệ phí đối với trường hợp cấp đổi, cấp lại: 50.000 đồng/lần cấp (Năm mươi ngàn đồng mỗi lần cấp).

**Điều 2.** Sở Giao thông vận tải được giữ lại 100% (một trăm phần trăm) nguồn thu lệ phí quy định tại Điều 1 để chi phí cho công tác xét cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức quản lý thu và sử dụng nguồn thu lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2012.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2012/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc thu phí trông giữ xe trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Công văn số 5833/BTC-CST ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thu phí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thu phí trông giữ xe trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành mức thu phí trông giữ xe trên địa bàn Thành phố như sau:

### **1. Phân nhóm (áp dụng đối với trông giữ xe đạp, xe đạp điện, xe điện, xe máy):**

- Nhóm 1: gồm các địa điểm trông giữ tại trường học, bệnh viện.
- Nhóm 2: gồm các địa điểm trông giữ tại chợ, siêu thị, chung cư hạng III, IV, cửa hàng kinh doanh (dịch vụ, thời trang, ăn uống,...) và các trụ sở cơ quan, tổ chức (trừ cơ quan hành chính nhà nước).
- Nhóm 3: chung cư hạng I, II, khu vui chơi, giải trí, nhà hàng, khách sạn, vũ trường, rạp hát và các trung tâm thương mại phức hợp.

(Trong đó, việc xác định hạng nhà chung cư được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 14/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 6 năm 2008 về việc phân hạng nhà chung cư).

### **2. Phân khu vực (áp dụng đối với trông giữ ô tô):**

- Khu vực 1: quận 1, 3, 5.
- Khu vực 2: các quận, huyện còn lại.

### **3. Quy định về thời gian:**

- Thời gian ban đêm được xác định từ 21 giờ ngày hôm trước đến 5 giờ ngày hôm sau.

- Trường hợp thời gian trông giữ gồm 2 giai đoạn: trước và sau 21 giờ thì tính phí như sau:

+ Nếu tổng thời gian trông giữ ít hơn 10 giờ: tính mức thu phí ban ngày hoặc ban đêm (thời gian trông giữ trước 21 giờ nhiều hơn thời gian trông giữ sau 21 giờ thì thu phí theo mức thu ban ngày và ngược lại).

+ Nếu tổng thời gian trông giữ từ 10 giờ trở lên thì thu phí theo mức cả ngày và đêm.

### **4. Mức thu:**

- Xe đạp, xe đạp điện (kể cả trông giữ mũ bảo hiểm):

Thời gian	Đơn vị tính	Mức thu		
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
Ngày	đồng/xe/lượt	500	1.000	2.000
Đêm	đồng/xe/lượt	1.000	2.000	4.000
Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	1.500	3.000	6.000
Tháng	đồng/xe/tháng	25.000	30.000	100.000



- Xe máy (xe số và xe tay ga), xe điện (kể cả công giữ mũ bảo hiểm của xe máy, xe điện):

Thời gian	Đơn vị tính	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
<b>Xe số dưới 175cm<sup>3</sup>, xe điện:</b>				
Ngày	đồng/xe/lượt	2.000	3.000	4.000
Đêm	đồng/xe/lượt	3.000	4.000	5.000
Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	5.000	7.000	9.000
Tháng	đồng/xe/tháng	100.000	100.000	200.000
<b>Xe tay ga, xe số từ 175cm<sup>3</sup> trở lên:</b>				
Ngày	đồng/xe/lượt	3.000	4.000	5.000
Đêm	đồng/xe/lượt	4.000	5.000	6.000
Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	7.000	9.000	11.000
Tháng	đồng/xe/tháng	150.000	200.000	250.000

- Ô tô:

Thời gian	Đơn vị tính	Mức thu	
		Khu vực quận 1, 3, 5	Các quận, huyện còn lại
<b>Từ 10 chỗ trở xuống:</b>			
Ngày	đồng/xe/lượt	20.000	15.000
Đêm	đồng/xe/lượt	40.000	30.000
Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	60.000	45.000
Tháng	đồng/xe/tháng	1.000.000	750.000
<b>Trên 10 chỗ:</b>			
Ngày	đồng/xe/lượt	25.000	20.000
Đêm	đồng/xe/lượt	50.000	40.000
Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	75.000	60.000
Tháng	đồng/xe/tháng	1.250.000	1.000.000

**Điều 2.** Mức thu quy định tại Khoản 4 Điều 1 Quyết định này không áp dụng đối với:

- Công giữ xe tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Trông giữ xe tại các dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ chuyên về trông giữ xe được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư với nguồn vốn ngoài ngân sách. Mức thu phí tại các địa điểm này áp dụng đối với từng dự án cụ thể và do Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2012. Bãi bỏ nội dung quy định về mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 245/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô và phí tạm dừng, đỗ xe ô tô trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2012/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế thu, quản lý và sử dụng quỹ quốc phòng - an ninh  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu vận động đóng góp quản lý và sử dụng quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu, quản lý và sử dụng quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, thay thế Quyết định số 25/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức vận động đóng góp, quản lý và sử dụng quỹ quốc phòng - an ninh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

### Về thu, quản lý và sử dụng quỹ quốc phòng - an ninh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND  
ngày 06 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

**Điều 1.** Quỹ quốc phòng - an ninh được lập ở phường - xã, thị trấn, là quỹ có nguồn thu từ sự đóng góp tự nguyện của nhân dân, cơ quan, tổ chức, được thành lập theo quy định tại Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

**Điều 2.** Đối tượng vận động đóng góp của quỹ quốc phòng - an ninh là cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động, cư trú trên địa bàn.

### **Điều 3. Mức thu vận động quỹ quốc phòng - an ninh**

Mức thu vận động quỹ quốc phòng - an ninh được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 08/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể như sau:

#### 1. Đối với hộ dân:

- a) Quận: tối đa 10.000 đồng/hộ/tháng.
- b) Huyện: tối đa 7.000 đồng/hộ/tháng.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn: giao Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thành lập Ban vận động thu quỹ quốc phòng - an ninh, căn cứ vào quy mô của từng cơ quan, tổ chức để thực hiện vận động tự nguyện đóng góp, mức thu vận động từ 15.000 đồng/tổ chức/tháng trở lên (đối với hộ kinh doanh cá thể); từ 50.000 đồng/tổ chức/tháng trở lên (đối với các cơ quan, tổ chức khác).

### **Điều 4. Phương thức vận động đóng góp quỹ quốc phòng - an ninh**

Vận động sự đóng góp tự nguyện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động, cư trú trên địa bàn thành phố. Không phân biệt đối xử hoặc chế tài đối với tổ chức, hộ dân không tham gia đóng góp.

**Điều 5.** Quỹ quốc phòng - an ninh được sử dụng chi hỗ trợ cho xây dựng, huấn luyện, hoạt động của dân quân tự vệ và các hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn ở phường - xã, thị trấn và được phân phối sử dụng như sau:

1. Trích 5% trên tổng số thu để bồi dưỡng cho người trực tiếp đi thu.

2. Số còn lại sử dụng hỗ trợ cho xây dựng, huấn luyện, hoạt động của dân quân tự vệ và các hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở phường - xã, thị trấn như:

- Hỗ trợ tuần tra, trực gác, trực cao đêm;

- Hỗ trợ kinh phí tập huấn, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập phòng thủ, hoạt động thông tin tuyên truyền, hoạt động ngày truyền thống;

- Công tác nghĩa vụ quân sự (tuyển quân), thăm tân binh;

- Mua sắm, sửa chữa trang thiết bị (vũ phòng phẩm, trang phục, công cụ hỗ trợ, phương tiện...);

- Các khoản chi khác cho dân quân tự vệ, công an, bảo vệ dân phố theo quy định của pháp luật.

**Điều 6.** Việc thu quỹ quốc phòng - an ninh phải sử dụng biên lai thu theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính do cơ quan tài chính phát hành.

**Điều 7.** Các trường hợp sau đây được Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn miễn vận động đóng góp quỹ quốc phòng - an ninh:

1. Hộ Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sỹ, thương binh.

2. Hộ xóa đói giảm nghèo, già neo đơn.

3. Gia đình có người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con) trong sổ đăng ký thường trú hoặc sổ đăng ký tạm trú tham gia nghĩa vụ theo chế độ phục vụ tại ngũ của lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng dân quân thường trực, lực lượng Công an viên, lực lượng Bảo vệ dân phố.

### **Điều 8.**

Quỹ quốc phòng - an ninh do Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn trực tiếp quản lý và sử dụng. Hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn lập dự toán thu chi của quỹ hàng năm thông qua Hội đồng nhân dân xã (đối với xã, thị trấn) phê duyệt làm căn cứ thực hiện; hoặc báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận xem xét trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt (đối với phường). Việc quản lý sử dụng quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn có trách nhiệm thực hiện công khai tài chính và kết quả thu, quản lý sử dụng quỹ quốc phòng - an ninh theo đúng quy định tại Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2005 về hướng dẫn công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

**Điều 9.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện thu và quản lý sử dụng quỹ quốc phòng - an ninh của phường - xã, thị trấn trên địa bàn. Định kỳ ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hàng năm thực hiện báo cáo kết quả thu chi quỹ cho Sở Tài chính, Bộ Tư lệnh Thành phố và Công an Thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hồng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2012/QĐ-UBND

*Bình Tân, ngày 16 tháng 7 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH**

**Về sửa đổi Khoản 2 Điều 3 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân ban hành kèm theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về thành lập Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận tại Tờ trình số 435/TTr-BQLĐT ngày 09 tháng 5 năm 2012 và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 657/TTr-NV ngày 11 tháng 7 năm 2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay sửa đổi Khoản 2 Điều 3 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân được ban hành kèm theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, như sau:

“Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận được tổ chức thành các Tổ chức năng, nghiệp vụ trực thuộc có Tổ trưởng và 01 Tổ phó, gồm:

- Tổ Xây dựng;
- Tổ Giao thông;
- Tổ Hành chính - Văn thư;
- Tổ Kế toán - Tài vụ”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Tân.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Tư pháp quận, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Văn Chính**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2012/QĐ-UBND

*Bình Tân, ngày 17 tháng 7 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về sửa đổi Điều 7 của Quy chế tổ chức và hoạt động  
của Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường  
ban hành kèm theo Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2011  
của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng xã - phường, thị trấn tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về việc thành lập Thanh tra Xây dựng quận Bình Tân;

Căn cứ Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về việc thành lập Thanh tra Xây dựng 10 phường - quận Bình Tân;

Căn cứ Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra Xây dựng quận Bình Tân tại Công văn số 79/TTrXD ngày 22 tháng 5 năm 2012 và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận Bình Tân tại Tờ trình số 677/TTr-NV ngày 16 tháng 7 năm 2012,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay sửa đổi Điều 7 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường được ban hành kèm theo Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, như sau:

“Thanh tra Xây dựng quận có một Chánh Thanh tra và có từ 02 đến 03 Phó Chánh Thanh tra và một số Thanh tra viên”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc quận, Chánh Thanh tra Xây dựng quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Văn Chính**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THẠNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2012/QĐ-UBND

*Bình Thạnh, ngày 17 tháng 7 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thi hành****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của UBND huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 03/TTr-TP ngày 03 tháng 7 năm 2012 về công bố văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh ban hành hết hiệu lực thi hành,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố 47 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh ban hành (theo Danh mục đính kèm) hết hiệu lực thi hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND quận, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị quận, các Chủ tịch UBND phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**DANH MỤC RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC**  
**DO ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH BAN HÀNH**  
 (Từ năm 1993 đến năm 2011)

STT	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
<b>NĂM 1993</b>				
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>				
1	35/QĐ-UBND	11/3/1993	Thành lập Đoàn công tác khảo sát điều tra và đề xuất chính sách giải tỏa nhà đất trên kênh rạch Thị Nghè trong phạm vi địa bàn quận.	Đã thực hiện xong
2	40/QĐ-UBND	19/3/1993	Thành lập BCD giải tỏa lòng lề đường trên địa bàn quận.	Nhân sự không còn phù hợp
3	97/QĐ-UBND	03/5/1993	Thành lập BCD chương trình di chuyển nhà trên và ven kênh rạch quận Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong
4	176/QĐ-UBND	09/8/1993	Thành lập BQL các công trình xây dựng phục vụ việc giải tỏa nhà trên kênh rạch Thị Nghè.	Đã thực hiện xong
5	283/QĐ-UBND	14/12/1993	Chính sách đền bù trong điều chỉnh và di chuyển nhà ở, hoa màu của nhân dân tại QL13, Xô Viết Nghệ Tĩnh để nối dài đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 26.	Đã thực hiện xong
6	304/QĐ-UBND	24/12/1993	Quy định chính sách đền bù của nhân dân tại QL 13, Xô Viết Nghệ Tĩnh để nối dài Đinh Bộ Lĩnh, phường 26, Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong

<b>NĂM 1994</b>				
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>				
7	45/QĐ-UBND	02/3/1994	Quy định về đơn giá đền bù trợ cấp, điều chỉnh di chuyển các loại nhà nằm trong khu qui hoạch xây dựng nút giao thông Hàng Xanh, Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong
8	328/QĐ-UBND	12/12/1994	Quy định về đơn giá đền bù trợ cấp, điều chỉnh di chuyển các loại nhà nằm trong khu vực giải tỏa để xây dựng mở rộng đường DBL, phường 12 và 24 quận Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong
<b>NĂM 1995</b>				
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>				
9	74/QĐ-UBND	11/02/1995	Quy định về đơn giá đền bù trợ cấp, điều chỉnh di chuyển các nhà nằm trong khu xây dựng đường D5, phường 25, quận Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong
<b>NĂM 1996</b>				
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>				
10	661/QĐ-UBND	1996	Bản qui định đơn giá đền bù, trợ cấp thiệt hại và bố trí định cư trong công trình xây dựng hai chung cư Ngô Tất Tố và Phạm Viết Chánh phường 19, quận Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong

**NĂM 1997****QUYẾT ĐỊNH**

11	05/QĐ-UBND	18/6/1997	Về việc chuyển công tác đăng ký hộ tịch từ Ủy ban nhân dân quận về các Ủy ban nhân dân phường thuộc quận Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong
12	293/QĐ-UBND	07/3/1997	Về việc thành lập BCD và tổ công tác giúp việc điều chỉnh di chuyển nhà ở dân cư, các cơ quan, đơn vị và đền bù đất đai hoa màu, nhà cửa để xây dựng khu chung cư Ngô Tất Tố và Phạm Viêt Chánh phường 19, quận Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong
13	1555/QĐ-UBND	03/10/1997	Về việc thành lập BCD và tổ công tác giúp việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở, dân cư và các công trình kỹ thuật nằm trong qui hoạch xây dựng cầu Bùi Hữu Nghĩa, quận 1 và quận Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong
14	1556/QĐ-UBND	03/10/1997	Về việc thành lập BCD và tổ công tác giúp việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở và các công trình kỹ thuật nằm trong qui hoạch nâng cấp, mở rộng đường Điện Biên Phủ (Từ ngã tư Đinh Tiên Hoàng, quận 1 đến chân cầu Sài Gòn, quận Bình Thạnh).	Đã thực hiện xong
15	1595/QĐ-UBND	13/10/1997	Về việc thành lập BCD và tổ chuyên viên giúp việc thực hiện đề án xây dựng hệ thống thông tin trên mạng máy tính phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn quận Bình Thạnh.	Đã bị bãi bỏ bởi Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2005.

<b>NĂM 2000</b>				
<b>CHỈ THỊ</b>				
16	54/CT-UBND	31/8/2000	Về việc tăng cường quản lý xây dựng tại khu dân cư của CBCNV Công ty Thủy lợi 46 thuộc phường 13, quận Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>				
17	18/QĐ-UBND	07/01/2000	Về việc thành lập Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng trong việc điều chỉnh và di chuyển nhà ở dân cư, vật kiến trúc và công trình kỹ thuật nằm trong quy hoạch của dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tái định cư chương trình OKX, phường 22, quận Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong
18	1128/QĐ-UBND	10/7/2000	Về việc thành lập Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng trong việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở dân cư, cơ quan, đơn vị, vật kiến trúc và đền bù trợ cấp thiệt hại, tái định cư trong dự án đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước đường Nguyễn Thượng Hiền, phường 5, quận Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong
19	1404/QĐ-UBND	18/8/2000	Về việc thành lập Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng trong việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở dân cư, vật kiến trúc và công trình kỹ thuật nằm trong quy hoạch xây dựng trạm bơm có thiết bị lược rác tại phường 19, quận Bình Thạnh thuộc dự án thoát nước Thành phố Hồ Chí Minh.	Đã thực hiện xong



**NĂM 2002****QUYẾT ĐỊNH**

20	3165/QĐ-UBND	19/7/2002	Về việc ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án KCN Bình Hòa quận Bình Thạnh.	Đã giải thể bởi Quyết định số 4420/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2010 của UBND thành phố.
21	3371/QĐ-UBND	06/8/2002	Về việc thành lập Hội đồng đền bù và giải phóng mặt bằng trong việc điều chỉnh, di chuyển nhà ở dân cư, vật kiến trúc và công trình kỹ thuật trong dự án đầu tư xây dựng chung cư tại phường 2, quận Bình Thạnh.	Đã thực hiện xong
22	3917/QĐ-UBND	13/9/2002	Về việc ban hành trình tự thực hiện đền bù hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án trong khu dân cư công nghiệp Bình Hòa.	Đã thực hiện xong
23	4332/QĐ-UBND	11/10/2002	Về việc thành lập Ban an toàn giao thông quận Bình Thạnh.	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2011.
24	4338/QĐ-UBND	14/10/2002	Về việc thành lập Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em quận Bình Thạnh.	Đã bị bãi bỏ bởi Quyết định số 5842/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008.
25	4481/QĐ-UBND	22/10/2002	Về việc thành lập Hội đồng bán hóa giá tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước quận Bình Thạnh.	Đã bị thay thế bởi Quyết định 5366/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2011.

<b>NĂM 2003</b>				
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>				
26	951/QĐ-UBND	24/3/2003	Thành lập tổ xây dựng đề án quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo quận Bình Thạnh đến năm 2010.	Đã thực hiện xong
27	3568/QĐ-UBND	10/9/2003	Thành lập Ban quản lý Dự án Tin học hóa quản lý hành chính nhà nước quận Bình Thạnh.	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 5120/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2009.
<b>NĂM 2004</b>				
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>				
28	357/QĐ-UBND	09/02/2004	Thành lập Ban vận động “Vì người nghèo quận Bình Thạnh”.	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2010; Quyết định số 9611/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2011.
29	5430/2004/QĐ-UBND	01/12/2004	Về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng giáo dục quốc phòng quận Bình Thạnh.	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2008.
<b>NĂM 2005</b>				
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>				
30	1212/QĐ-UBND	29/3/2005	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường trực thuộc quận Bình Thạnh.	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2012.

31	1216/QĐ-UBND	29/3/2005	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em quận Bình Thạnh.	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 5842/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2008.
32	1218/QĐ-UBND	29/3/2005	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt của Phòng Giáo dục quận Bình Thạnh.	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2010.
33	1228/QĐ-UBND	29/3/2005	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Bình Thạnh.	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2011.
34	1230/QĐ-UBND	29/3/2005	Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận Bình Thạnh.	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2011.
35	2770/QĐ-UBND	22/6/2005	Về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm tại quận Bình Thạnh giai đoạn 2005 - 2010.	Đã thực hiện xong
36	3424/2005/QĐ-UBND	10/8/2005	Về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng Giáo dục quận Bình Thạnh.	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 2558/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2010.
37	3658/2005/QĐ-UBND	19/8/2005	Về việc công nhận Ban đại diện hưu trí quận Bình Thạnh.	Được điều chỉnh bởi Quyết định số 7289/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2010; Quyết định số 11137/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2011.

38	3792/2005/QĐ-UBND	29/8/2005	Về việc điều chỉnh bổ sung thành viên và sửa đổi tên Ban chỉ đạo xây dựng điều hành quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” quận Bình Thạnh thành Ban quản lý điều hành quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” quận Bình Thạnh.	Đã bị bãi bỏ Quyết định số 7714/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2010.
39	5676/2005/QĐ-UBND	16/12/2005	Về việc công nhận Ban liên lạc cựu tù chính trị và tù binh quận Bình Thạnh.	Đã bị thay thế bởi Quyết định số 5939/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2010.
<b>NĂM 2007</b>				
<b>CHỈ THỊ</b>				
40	04/2007/CT-UBND	06/6/2007	Về việc xây dựng lực lượng dân quân phòng không, dân quân cơ động, dân quân thường trực trên địa bàn quận Bình Thạnh (từ năm 2006 đến năm 2010).	Đã thực hiện xong
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>				
41	15/2007/QĐ-UBND	31/7/2007	Về phê duyệt quy hoạch một số ngành nghề thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa - xã hội trên địa bàn quận Bình Thạnh giai đoạn 2006 - 2010.	Hết hiệu lực về thời gian
<b>NĂM 2011</b>				
<b>CHỈ THỊ</b>				
	01/2011/CT-UBND			Không có, do văn thư ghi nhầm

42	02/2011/CT-UBND	08/02/2011	Về công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; tuyển chọn, gọi công nhân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân; công tác tuyển sinh quân sự và công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2011.	Hết hiệu lực về thời gian
43	03/2011/CT-UBND	08/02/2011	Về việc thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2011.	Hết hiệu lực về thời gian
44	04/2011/CT-UBND	11/02/2011	Về tập trung triển khai các giải pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Quận năm 2011	Hết hiệu lực về thời gian
45	05/2011/CT-UBND	14/02/2011	Chỉ thị về tăng cường vận động hiến máu tình nguyện năm 2011.	Hết hiệu lực về thời gian
46	06/2011/CT-UBND	19/8/2011	Về tổ chức diễn tập phương án xử lý tình huống tụ tập đông người biểu tình, phá rối an ninh, trật tự, kết hợp diễn tập chiến đấu trị an cho cụm phường liên hoàn trên địa bàn quận Bình Thạnh.	Hết hiệu lực về thời gian
<b>QUYẾT ĐỊNH</b>				
47	01/2011/QĐ-UBND	11/02/2011	Ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách quận Bình Thạnh, Chương trình làm việc của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh năm 2011.	Hết hiệu lực về thời gian

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2012/QĐ-UBND

*Tân Bình, ngày 27 tháng 6 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động  
của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 90/2009/TTLT-BTC-BNV ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân Thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 01/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy

ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về thành lập Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 48/TTr-NV ngày 21 tháng 6 năm 2012,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Châu Văn La**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

## **Chương I VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

#### **1. Vị trí:**

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phòng Tài chính - Kế hoạch có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

#### **2. Chức năng:**

Phòng Tài chính - Kế hoạch có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tài chính; tài sản; giá; kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật.

## **Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

Phòng Tài chính - Kế hoạch có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm về phát triển kinh tế xã hội, lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư; chương trình, biện pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận.



2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra việc thi hành pháp luật về tài chính, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn quận; giúp Ủy ban nhân dân quận giải quyết khiếu nại, tố cáo, các tranh chấp theo quy định của pháp luật.

### 3. Về lĩnh vực tài chính:

a) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc quận, Ủy ban nhân dân các phường xây dựng dự toán thu - chi ngân sách hàng năm; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân quận dự toán ngân sách quận theo hướng dẫn của Sở Tài chính;

b) Lập dự toán thu ngân sách Nhà nước đối với những khoản thu được phân cấp quản lý, dự toán chi ngân sách quận và tổng hợp dự toán ngân sách phường, phương án phân bổ ngân sách quận trình Ủy ban nhân dân quận; lập dự toán ngân sách điều chỉnh trong trường hợp cần thiết để trình Ủy ban nhân dân quận; tổ chức thực hiện dự toán ngân sách đã được quyết định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý tài chính, ngân sách, giá, thực hiện chế độ kế toán của Ủy ban nhân dân các phường và các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của nhà nước thuộc quận;

d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc quản lý công tác thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

đ) Thẩm định quyết toán thu, chi ngân sách Ủy ban nhân dân các phường; xét duyệt quyết toán đối với các cơ quan, đơn vị được ngân sách hỗ trợ; lập quyết toán thu, chi ngân sách quận; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà Nước trên địa bàn quận và quyết toán thu, chi ngân sách quận (bao gồm quyết toán thu, chi ngân sách quận và quyết toán thu, chi ngân sách phường) báo cáo Ủy ban nhân dân quận để trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê chuẩn.

Tổ chức thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt quyết toán đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách quận quản lý;

e) Quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc quận quản lý theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản Nhà nước;

g) Quản lý nguồn kinh phí được ủy quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

h) Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá theo quy định của Chính phủ và phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố; phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn. Thực hiện công tác định giá các tài sản liên quan trong tố tụng hình sự và quy định của Chính phủ;

i) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chế độ công khai tài chính ngân sách của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

k) Tổng hợp kết quả thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán về lĩnh vực tài chính ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân quận.

#### 4. Về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư:

a) Tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt kế hoạch kinh tế xã hội hàng năm (kể cả danh mục các công trình đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn thuộc các nguồn vốn); trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận;

b) Thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định đầu tư, phê duyệt dự án, phê duyệt kế hoạch đấu thầu và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân quận;

c) Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn cung cấp thông tin dự án, xúc tiến đầu tư, giám sát và đánh giá đầu tư, kêu gọi và tổ chức vận động các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa bàn quận; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác kế hoạch và đầu tư Ủy ban nhân dân các phường;

5. Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân các phường cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và các Sở liên quan.

6. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

7. Quản lý cán bộ, công chức và tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính; kế hoạch và đầu tư theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

### **Điều 3. Tổ chức bộ máy**

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng là người chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của phòng; đồng thời chịu trách nhiệm với Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố về các mặt công tác chuyên môn.

b) Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của phòng;

c) Trong số các Lãnh đạo Phòng (Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng) phải có người được phân công chuyên trách quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tài chính; kế hoạch và đầu tư;

d) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật;

Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức của Phòng làm công tác quản lý nhà nước về chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, công chức, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận tổ chức thành 5 tổ nghiệp vụ: Tổ Ngân sách - Kế hoạch, Tổ Xây dựng cơ bản, Tổ Hành chính - Văn xã, Tổ quản lý công sản - Giá, Tổ Hành chính quản trị.

#### **Điều 4. Biên chế**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm công tác tại quận mà số lượng biên chế cụ thể của Phòng Tài chính - Kế hoạch do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định phân bổ trong tổng số biên chế của quận được Ủy ban nhân dân Thành phố giao hàng năm sao cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

### **Chương IV**

## **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 5. Chế độ làm việc**

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng phụ trách chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

#### **Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp**

1. Thứ hai hàng tuần, Lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần với các Tổ trưởng nghiệp vụ để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban Lãnh đạo Phòng và các Tổ trưởng nghiệp vụ, Phó Trưởng phòng sẽ họp các Tổ nghiệp vụ theo phân công trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc thực hiện, bàn phương hướng triển khai công tác đã thống nhất trong họp giao ban.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần để kiểm điểm công tác trong tháng và thông qua chương trình công tác tháng sau; đồng thời phổ biến các chủ trương, chính sách, chế độ mới của Nhà nước và nhiệm vụ mới phát sinh ở địa phương.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do Lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

6. Tổ chức họp đột xuất để triển khai các công việc cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận hoặc của Sở, ban, ngành thành phố liên quan đến ngành.

### **Điều 7. Mỗi quan hệ công tác**

1. Đối với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Định kỳ, báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức Tài chính - Kế toán phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 8.** Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của quận, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

**Điều 9.** Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài chính - Kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Châu Văn La**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2012/QĐ-UBND

*Tân Bình, ngày 05 tháng 7 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2011/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà cửa, vật kiến trúc.

Căn cứ dự toán được giao hàng năm về sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà cửa, vật kiến trúc từ nguồn kinh phí thường xuyên; giao cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức quyết định việc sửa chữa theo nội dung như sau:

a) Đối với công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp có dự toán dưới 500 triệu đồng không phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật:

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức quyết định chủ trương sửa chữa, tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, chỉ định thầu đơn vị thi công, ký hợp đồng thi công, tổ chức giám sát việc thực hiện và nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các công việc thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định và quản lý của mình.

Sau khi công trình hoàn thành, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức chịu trách nhiệm thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình theo quy định.

b) Đối với công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng đến dưới 3 tỷ đồng:

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức (chủ đầu tư) tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình; trường hợp cần thiết có thể thuê tư vấn thẩm tra để làm cơ sở cho việc thẩm định. Sau đó, chủ đầu tư lập báo cáo kinh tế kỹ thuật gửi Sở Xây dựng (nếu là cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố), Ủy ban nhân dân quận (nếu là cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc quận) để phê duyệt.

Sau khi báo cáo kinh tế kỹ thuật được phê duyệt, chủ đầu tư tổ chức đấu thầu, chọn thầu và thực hiện các bước tiếp theo của quy trình quản lý dự án đầu tư theo quy định.



Khi công trình hoàn thành, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức phải lập quyết toán công trình gửi Sở Tài chính (nếu là cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố), Phòng Tài chính - Kế hoạch quận (nếu là cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc quận) để phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Đối với việc mua sắm các tài sản khác (như phương tiện làm việc, máy móc thiết bị...): Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức quyết định chủ trương mua sắm từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán hàng năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định; chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định tại Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điểm 2.2 Khoản 2 Điều 19 như sau:

“2.2. Đối với mua sắm các tài sản khác (trừ nhà, công trình vật kiến trúc): căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định mua sắm.

Các trường hợp phân cấp cho Thủ trưởng đơn vị tự quyết định mua sắm nêu trên, Thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định tại Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các ban, ngành - đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng tài sản nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Châu Văn La**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2012/QĐ-UBND

*Tân Phú, ngày 24 tháng 7 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 6 và Điều 10 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú ban hành kèm theo Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 40/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh Khoản 2 Điều 6 Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận - huyện (ban hành kèm theo Quyết định số 80/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố);

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận tại Tờ trình số 787/TTr-NV ngày 02 tháng 7 năm 2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 6 và Điều 10 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú ban hành kèm theo Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Chế độ phụ cấp kế toán:

- Kế toán trưởng được hưởng mức phụ cấp: 0,30 (bằng với phụ cấp chức vụ Trưởng phòng 0,20 + phụ cấp trách nhiệm 0,10 = 0,30)
- Phụ trách kế toán được hưởng mức phụ cấp: 0,20 (bằng với phụ cấp chức vụ Trưởng phòng)”.  
Chế độ phụ cấp kế toán được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2009.

**2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:**

“Điều 10. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức:

Viên chức làm việc tại Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận Tân Phú được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Tấn Lực**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2012/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 25 tháng 7 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH****Về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật  
đã hết hiệu lực thi hành****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 20 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp huyện tại Công văn số 138/TP ngày 13 tháng 7 năm 2012,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố danh mục 06 văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân huyện ban hành từ năm 1994 đến tháng 6 năm 2012 đã hết hiệu lực thi hành (có Danh mục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tư pháp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thuộc huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Cách Mạng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC 06 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**ĐÃ HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH**

*(Kèm theo Quyết định số 08/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012  
của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

<b>STT</b>	<b>HÌNH THỨC</b>	<b>Số văn bản Ngày ban hành</b>	<b>TRÍCH YẾU</b>
01	Chỉ thị	01/2002/CT-UB Ngày 18/01/2002	Về tăng cường công tác quản lý giống tôm và phòng trị bệnh tôm nuôi trên địa bàn huyện Cần Giờ.
02	Chỉ thị	04/2008/CT-UBND Ngày 17/5/2008	Về tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước.
03	Quyết định	825/1999/QĐ-UB Ngày 03/11/1999	Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thi đua khen thưởng huyện Cần Giờ.
04	Quyết định	31/2004/QĐ-UB Ngày 23/4/2004	Về việc thành lập Ban Chỉ đạo quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục - đào tạo huyện Cần Giờ đến năm 2020.
05	Quyết định	40/2004/QĐ-UB Ngày 29/7/2004	Về việc phê duyệt đề án đa dạng hóa đối tượng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện.
06	Quyết định	16/2005/QĐ-UB Ngày 18/5/2005	Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Ấp Lý Hòa Hiệp, xã Lý Nhơn, huyện Cần Giờ, diện tích 74,50 ha.

**\* Ghi chú:**

Danh mục này bao gồm:

- 02 Chỉ thị;
- 04 Quyết định.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2012/CT-UBND

Cần Giờ, ngày 06 tháng 8 năm 2012

## **CHỈ THỊ**

### **Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013 và Kế hoạch đầu tư ngân sách Nhà nước 03 năm 2013 - 2015**

Năm 2013 là năm có ý nghĩa quan trọng đối với việc hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013 và Kế hoạch đầu tư từ ngân sách Nhà nước 3 năm 2013 - 2015 của huyện được xây dựng trong bối cảnh tình hình kinh tế còn khó khăn.

Để góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 và triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 20/2012/CT-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013 và kế hoạch đầu tư từ ngân sách Nhà nước 3 năm 2013 - 2015. Ủy ban nhân dân huyện chỉ thị Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, Giám đốc các Công ty Nhà nước thuộc huyện tập trung triển khai các nội dung chủ yếu sau:

#### **I. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2013:**

1. Tổ chức đánh giá nghiêm túc tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012 trên cơ sở đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện các Nghị quyết của Huyện ủy và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2012 của huyện, trong đó đặc biệt chú trọng đánh giá tình hình triển khai và thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách huyện; Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân huyện năm 2012; Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 08 tháng

6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường; đánh giá các kết quả đạt được trong năm 2012 so với mục tiêu và chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2012; phân tích rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế, tồn tại để có biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

2. Xác định mục tiêu và nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 căn cứ vào các mục tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, tình hình thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2012 và dự báo những thuận lợi, khó khăn trong thời gian tới; đồng thời phải gắn với đặc điểm của từng ngành, từng địa phương để đảm bảo tính khả thi.

3. Các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013 phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và giai đoạn 2011 - 2015, phù hợp với kế hoạch đầu tư từ ngân sách Nhà nước 3 năm 2013 - 2015, gắn với các nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của cơ quan, đơn vị; đảm bảo đúng chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước và trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo thời gian quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013 phải đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị và các ngành, các cấp. Bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn lực, ngân sách Nhà nước.

5. Trong quá trình xây dựng, phải tổ chức lấy ý kiến của các tổ chức đoàn thể, các cộng đồng dân cư về dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 nhằm tạo sự đồng thuận cao.

## **II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2013.**

1. **Mục tiêu tổng quát:** Nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững, thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo sự chuyển biến rõ nét trong phát triển nông nghiệp, du lịch và xây dựng nông thôn mới góp phần tạo đà cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015; bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.



## **2. Nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013:**

### *2.1. Ổn định, phát triển kinh tế:*

- Tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp, chính sách của Trung ương, thành phố về phát triển sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất toàn huyện cao hơn 1,5 lần GDP của thành phố, tương ứng với mức tăng trưởng trên 15%.

- Tập trung các giải pháp thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Chương trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2011 - 2015, trong đó tập trung khai thác và phát huy thế mạnh vào 2 lĩnh vực chủ yếu là thủy sản và du lịch, đặc biệt chú trọng phát triển nhanh lĩnh vực dịch vụ du lịch sinh thái, du lịch lịch sử bảo đảm khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp với đặc thù nông nghiệp đô thị; tập trung phát triển sản xuất theo hướng đầu tư thâm canh, ứng dụng công nghệ sinh học để tăng năng suất, tạo đà tăng trưởng kinh tế hiệu quả, chất lượng và bền vững.

- Tập trung các chính sách khuyến khích và quản lý để phát triển mạnh nghề chế biến thủy sản truyền thống theo hướng đa dạng sản phẩm, tăng sản lượng nguồn hàng, bảo quản chất lượng, giá trị gia tăng.

- Kiểm soát chặt chẽ và minh bạch thu, chi ngân sách Nhà nước, đầu tư từ ngân sách; nâng cao chất lượng công tác lập dự toán ngân sách Nhà nước; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; giảm tỷ trọng đầu tư công, tăng tỷ trọng đầu tư của các thành phần kinh tế; tập trung vốn ngân sách cho các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát giá cả, thị trường; bảo đảm cung cầu và bình ổn giá những hàng hóa thiết yếu; đề xuất chính sách hỗ trợ hộ nghèo, đối tượng chính sách chịu tác động khi Nhà nước điều chỉnh giá một số mặt hàng theo cơ chế thị trường.

### *2.2. Quản lý đô thị, tài nguyên, môi trường:*

- Hoàn chỉnh và triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Quy hoạch chung xây dựng huyện, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất huyện, thị trấn giai đoạn 2011 - 2015, quy hoạch xã nông thôn mới và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, xây dựng gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đất đai, quản lý trật tự đô thị. Ngăn chặn việc khai thác trái phép, lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Huy động nguồn lực để triển khai thực hiện Đề án cải thiện môi trường.

### *2.3. Phát triển giáo dục - đào tạo, văn hóa thể thao, bảo đảm an sinh xã hội:*

- Từng bước phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở các bậc học, dần tiếp cận với nền giáo dục trong thành phố. Nâng cao tính đồng đều về chất lượng trong giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất nhà trường, củng cố và mở rộng mạng lưới trường lớp đảm bảo nhu cầu học tập ở các bậc học, ngành học.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện giai đoạn 2011 - 2015, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, doanh nhân và cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn. Từng bước nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện.

- Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực thông tin, văn hóa, thể thao. Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục các giá trị đạo đức, lối sống, lành mạnh trong gia đình. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội đầu tư vào các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Tăng cường quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, thể thao.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt công tác giảm hộ nghèo, tạo việc làm. Đẩy mạnh phát triển thị trường lao động; chú trọng tạo việc làm ổn định, cải thiện môi trường và điều kiện lao động, tăng thu nhập và nâng cao mức sống cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; đẩy mạnh phong trào Đền ơn đáp nghĩa, phong trào vận động vì người nghèo để chăm lo chu đáo cho diện chính sách, các đối tượng xã hội, người nghèo, khuyết tật, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án về giảm nghèo nhằm đảm bảo giảm nghèo nhanh và bền vững.

### *2.4. Cải cách hành chính:*

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị giai đoạn 2011 - 2015; Từng bước xây dựng nền hành chính trong sạch vững mạnh chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt

động của các cơ quan Nhà nước gắn với đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, tạo sự công khai minh bạch trong công tác quản lý Nhà nước.

- Đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, tạo sự chuyên biến mạnh mẽ trong củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển huyện.

- Nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, bảo đảm ổn định chính trị xã hội. Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng... Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm để củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Đẩy mạnh công tác giáo dục tuyên truyền trong nhân dân, tạo điều kiện cho nhân dân tham gia giám sát hoạt động quản lý Nhà nước nhất là các chính sách kinh tế xã hội, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và các dự án quan trọng.

### *2.5. Bảo đảm quốc phòng an ninh:*

Tập trung thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/HU của Huyện ủy về nhiệm vụ quốc phòng an ninh giai đoạn 2011 - 2015, trong đó tập trung xây dựng nâng cao chất lượng nền quốc phòng toàn dân, đảm bảo an ninh chính trị, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh kinh tế - nông thôn; kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương với lực lượng Công an để đẩy mạnh công tác đấu tranh, chống các loại tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy; triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả với những diễn biến phức tạp của thiên tai.

### **3. Nhiệm vụ xây dựng dự toán ngân sách năm 2013:**

Năm 2013 là năm thứ ba trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương (2011 - 2015), do đó việc xây dựng dự toán ngân sách huyện năm 2013 phải bám sát các mục tiêu - nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đặt ra cho năm 2013 và giai đoạn 2011 - 2015 của từng cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững, thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo sự chuyển biến rõ nét trong phát triển nông nghiệp, du lịch và xây dựng nông thôn mới trong điều kiện cùng với thành phố thực hiện chủ trương tiếp tục kiềm chế lạm phát, dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013 được xây dựng bảo đảm cân đối đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách đã được ban hành và theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; tăng cường

khả năng dự báo thu sát và tích cực; chỉ tiêu công tiết kiệm, hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ và minh bạch thu, chi ngân sách Nhà nước, đầu tư công.

Việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương năm 2013 phải thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các văn bản pháp luật liên quan, Thông tư số 99/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013; Chỉ thị số 20/2012/CT-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư từ ngân sách Nhà nước 3 năm 2013 - 2015 và Công văn số 6702/STC-NS ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Sở Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013. Trong đó, chú ý một số nội dung sau:

*\* Đối với dự toán thu ngân sách Nhà nước:* Dự toán thu ngân sách Nhà nước phải được xây dựng tích cực, bám sát dự báo tình hình đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh; bảo đảm tính đúng, tính đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách theo chính sách, chế độ hiện hành và những chế độ, chính sách mới sẽ có hiệu lực thi hành trong năm 2013. Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2013 theo từng lĩnh vực thu, từng khoản thu, sắc thuế.

Chú ý tính toán các khoản thuế được phép gia hạn trong năm 2012 và chuyển sang nộp trong năm 2013; dự kiến số thu tiền sử dụng đất đối với các dự án được gia hạn chuyển nộp trong năm 2013; các khoản thu phát sinh từ các dự án đầu tư đã hết thời gian ưu đãi thuế; tính đúng, tính đủ nguồn thu đối với từng lĩnh vực, từng sắc thuế theo đúng quy định; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ số thuế phải nộp; tập trung quyết liệt thu hồi số thuế nợ đọng từ các năm trước.

Các khoản thu được để lại chi theo chế độ (học phí, viện phí, các khoản huy động đóng góp khác ...): Căn cứ số thực tế thực hiện năm 2011, ước thực hiện năm 2012; dự kiến điều chỉnh các mức thu và những yếu tố dự kiến tác động đến thu ngân sách năm 2013 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực.

*\* Đối với dự toán chi ngân sách Nhà nước:* Dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2013 được xây dựng cụ thể, chi tiết đối với từng nhiệm vụ, lĩnh vực chi trong phạm vi nguồn thu được hưởng theo phân cấp; trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm 2012, dự kiến nhiệm vụ năm 2013, chế độ tiêu chuẩn định mức chi tiêu theo quy định hiện hành và yêu cầu kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án quan trọng, đảm bảo triệt để tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí ngay từ

khâu xây dựng dự toán. Dự toán cần sắp xếp thứ tự ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ trong từng lĩnh vực theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai, hoàn thành trong năm 2013.

- Các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch để tính toán kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối nguồn ngân sách thực hiện trước khi báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Khi xây dựng dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2013, các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cần sắp xếp thứ tự ưu tiên theo mức độ quan trọng của các chế độ, nhiệm vụ; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội khả năng triển khai các nhiệm vụ theo các chương trình, dự án được duyệt trong năm 2013 và các năm sau để nâng cao tính chủ động trong việc triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành những nhiệm vụ trọng yếu của cơ quan, đơn vị trong phạm vi dự toán ngân sách được giao. Hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán.

Việc xây dựng dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2013 đối với một số lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể được thực hiện như sau:

\* *Chi đầu tư phát triển:* Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển gắn kết chặt chẽ với mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Vốn đầu tư từ ngân sách thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân huyện quản lý từ năm 2013 đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Rà soát, sắp xếp, bố trí vốn đảm bảo đúng mục tiêu, thời gian hoàn thành dự án theo quy định.

- Tập trung bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành và đã bàn giao, đưa vào sử dụng đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2012 nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Kế hoạch năm 2013 chỉ bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết và đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- Tiếp tục quán triệt chủ trương xã hội hóa, đẩy mạnh việc áp dụng các quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng đối với công tác vệ sinh môi trường, duy tu giao thông để tiết kiệm chi ngân sách.

\* *Chi thường xuyên:*

- Trong điều kiện cân đối ngân sách khó khăn, xây dựng dự toán chi thường xuyên trên cơ sở triệt để tiết kiệm, đặc biệt là dự toán chi cho các hoạt động tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo. Tập trung nguồn lực đảm bảo các lĩnh vực chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa thông tin, môi trường, bảo đảm an sinh xã hội; quốc phòng, an ninh; chi quản lý hành chính Nhà nước, Đảng, đoàn thể, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, trên cơ sở chi bảo đảm tăng chi cho các chính sách, chế độ, định mức hiện hành và các nhiệm vụ cấp bách dự kiến sẽ phát sinh năm 2013.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan Nhà nước, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập về cả tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính để đa dạng hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ công và nguồn lực phát triển sự nghiệp công.

- Các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu theo quy định của pháp luật (phí, lệ phí, học phí, viện phí, các khoản huy động đóng góp...) phải lập đầy đủ dự toán thu và dự toán chi từ nguồn thu được để lại đơn vị chi và tổng hợp vào dự toán của cơ quan, đơn vị mình.

- Các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tiếp tục chủ động thực hiện đầy đủ, đúng quy định các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương. Cụ thể: tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất lương), 50% tăng thu ngân sách địa phương (Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn); đồng thời, thực hiện chuyển các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết (nếu có), sang năm 2013 để tiếp tục thực hiện. Toàn bộ nguồn kinh phí này phải được hạch toán quản lý riêng để tạo nguồn tiếp tục thực hiện cải cách tiền lương, không sử dụng nguồn kinh phí này cho các mục đích khác.

- Bố trí dự phòng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và giải quyết những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tình hình thực hiện dự toán đối với các khoản được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2012, căn cứ các chính sách và chế độ hiện hành; xây dựng dự toán chi thực hiện các dự án, nhiệm vụ quan trọng, xây dựng dự toán số bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện.

Việc xây dựng dự toán ngân sách thành phố năm 2013 phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các cấp, các ngành để đảm bảo nâng cao chất lượng và hiệu quả; phải quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng, đảm bảo dự toán ngân sách được xây dựng đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả.

Các cơ quan, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phải tổng hợp, báo cáo đầy đủ các nhu cầu chi đối với các chính sách chế độ theo quy định hiện hành; thuyết minh rõ ràng, chi tiết về dự toán thu, chi ngân sách năm 2013 theo từng đơn vị thực hiện, từng nội dung thu và từng nhiệm vụ chi cụ thể.

### **III. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2013 - 2015:**

#### **1. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch đầu tư giai đoạn 2013 - 2015:**

- Việc xây dựng kế hoạch đầu tư từ ngân sách Nhà nước 3 năm 2013 - 2015 phải gắn với việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

- Kế hoạch đầu tư 2013 - 2015 được xây dựng trên cơ sở cân đối giữa mục tiêu, nhu cầu đầu tư với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội khả năng cân đối vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch thu chi ngân sách huyện giai đoạn 2013 - 2015 và khả năng cân đối các nguồn thu khác.

- Tập trung đầu tư cho các công trình, dự án đã được bố trí vốn ngân sách đang triển khai trong kế hoạch hàng năm để đảm bảo hoàn thành dứt điểm, đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả. Đối với các dự án khởi công mới, phải cân nhắc kỹ lưỡng, chỉ bố trí vốn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khởi công mới các dự án thật sự cấp bách, cần thiết. Không bố trí vốn đầu tư từ ngân sách cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Kế hoạch đầu tư 2013 - 2015 phải được xây dựng theo hướng tập trung, nâng cao hiệu quả đầu tư. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung thống nhất trong việc xác định các mục tiêu, định hướng, chính sách và các cân đối lớn trong đầu tư, đi đôi với việc tiếp tục tăng cường phân cấp, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành gắn với trách nhiệm được giao.

#### **2. Nhiệm vụ:**

- Trên cơ sở tổ chức đánh giá tình hình đầu tư từ ngân sách Nhà nước trong 2 năm 2011 - 2012; những kết quả đạt được trong việc thực hiện đổi mới quản lý, cơ cấu lại đầu tư từ ngân sách Nhà nước theo chủ trương của Chính phủ và Ủy ban nhân

dân Thành phố, những tồn tại và những khó khăn trong việc lập và thực hiện Kế hoạch đầu tư theo cơ chế mới.

- Căn cứ mục tiêu và định hướng phát triển chung của huyện trong 5 năm 2011 - 2015, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách thành phố và các nguồn vốn khác giai đoạn 2013 - 2015; những đặc điểm, điều kiện thực tế để xác định mục tiêu và sắp xếp thứ tự ưu tiên trong đầu tư. Trong 3 năm tới tập trung đầu tư các công trình trọng điểm (đặc biệt là 07 công trình mang tính đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X), các dự án thuộc Chương trình nông thôn mới, công trình phòng, chống lụt, bão...

- Xây dựng danh mục và bố trí vốn cho các dự án cụ thể: Căn cứ mục tiêu, định hướng và khả năng cân đối vốn đầu tư nêu trên, các ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn dự kiến danh mục dự án và mức vốn cho từng dự án cụ thể theo nguyên tắc:

Bố trí vốn đầu tư tập trung, không dàn trải theo đúng các quy định tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 12/2012/CT-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Tập trung bố trí vốn đầu tư cho các dự án hoàn thành trong năm 2012 trở về trước thuộc nhiệm vụ đầu tư từ ngân sách Nhà nước nhưng chưa được bố trí đủ vốn; các dự án dự kiến hoàn thành trước năm 2015.

Về bố trí vốn và tổng hợp, giao kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước kế hoạch đầu tư 2013 - 2015: Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch hướng dẫn các ngành, xã, thị trấn thực hiện việc rà soát, lập danh mục dự án tổng hợp danh mục dự án và nhu cầu vốn đầu tư của các ngành, các xã, thị trấn, khả năng cân đối vốn, trình Ủy ban nhân dân huyện đăng ký, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tổng mức đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và kế hoạch 2013.

#### **IV. PHÂN CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:**

##### **1. Phân công thực hiện:**

**1.1.** Các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013 và Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 của cơ quan, đơn vị mình.

Đồng thời, trên cơ sở tính toán các nguồn lực có thể khai thác, xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý của đơn vị. Đề xuất giải pháp thực hiện, hoặc kiến nghị sửa



đổi, bổ sung các chế độ, chính sách hiện hành (nếu có) gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch làm căn cứ tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư năm 2013 và 3 năm 2013 - 2015 trình Ủy ban nhân dân huyện.

**1.2.** Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2013, Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2013, Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013; Dự kiến Phương án phân bổ ngân sách năm 2013 và phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư phát triển của ngân sách 03 năm 2013 - 2015 và năm 2013 cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn. trình Ủy ban nhân dân huyện.

## **2. Tiến độ thực hiện:**

- Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự toán ngân sách năm 2013 và Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013, đảm bảo hoàn thành trước ngày 06 tháng 8 năm 2012.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp hoàn chỉnh sơ bộ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách năm 2013 và Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 trình Ủy ban nhân dân huyện gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố trước 15 tháng 8 năm 2012.

- Ủy ban nhân dân huyện Quyết định phương án phân bổ, giao kế hoạch kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách năm 2013 và Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các doanh nghiệp Nhà nước thuộc huyện trước ngày 05 tháng 12 năm 2012.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn, Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này nhằm đảm bảo công tác xây dựng Kế hoạch kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách năm 2013 và Kế hoạch đầu tư 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 theo đúng yêu cầu về nội dung và tiến độ theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Đoàn Văn Thanh**

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3741/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Về việc điều chỉnh giới hạn một số tuyến đường trên địa bàn  
các quận 1, 3, 5, 10, Tân Bình, Phú Nhuận và Bình Thạnh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố về bổ sung Quỹ đất, đổi tên đường của thành phố;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 6112/SGTVT-KT ngày 11 tháng 5 năm 2012 về ưu tiên điều chỉnh giới hạn một số tuyến đường trên địa bàn thành phố; ý kiến của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 2498/TTr-SVHTTDL-DSVH ngày 23 tháng 5 năm 2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh giới hạn của 10 (mười) tuyến đường thuộc các quận: 1, 3, 5, 10, Tân Bình, Phú Nhuận và Bình Thạnh theo danh sách đính kèm.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng đặt mới, sửa đổi tên đường, công viên, quảng trường và công trình công cộng trên địa bàn Thành

phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các Sở, ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận 1, 3, 5, 10, Tân Bình, Phú Nhuận và Bình Thạnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**DANH SÁCH CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐIỀU CHỈNH GIỚI HẠN***(Ban hành kèm theo Quyết định số 3741/QĐ-UBND**ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Tên đường	Lý trình cũ	Lý trình bổ sung	Lý trình mới
1	TRƯỜNG ĐÌNH	Thuộc địa bàn quận 1, 3. Bắt đầu từ đường Lê Lai đến đường Kỳ Đồng. Dài 1.994m.	Đoạn từ đường Kỳ Đồng đến đường cống hộp (Rạch Bùng Binh), thuộc quận 3. Dài 235m.	Thuộc địa bàn quận 1, 3. Bắt đầu từ đường Lê Lai đến đường cống hộp (Rạch Bùng Binh). Dài 2.229m.
2	BÀ HUYỆN THANH QUAN	Thuộc địa bàn quận 3. Bắt đầu từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Kỳ Đồng. Dài 1.243m.	Đoạn từ đường Kỳ Đồng đến đường cống hộp (Rạch Bùng Binh), thuộc quận 3. Dài 178m.	Thuộc địa bàn quận 3. Bắt đầu từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường cống hộp (Rạch Bùng Binh). Dài 1.421m.
3	BÀN CỜ	Thuộc địa bàn quận 3. Bắt đầu từ đường Điện Biên Phủ đến đường Nguyễn Đình Chiểu. Dài 455m.	Đoạn từ đường Nguyễn Đình Chiểu đến hẻm 16 đường Nguyễn Thiện Thuật, thuộc quận 3. Dài 213m.	Thuộc địa bàn quận 3. Bắt đầu từ đường Điện Biên Phủ đến hẻm 16 đường Nguyễn Thiện Thuật. Dài 668m.
4	CAO THẮNG	Thuộc địa bàn quận 3, 10. Bắt đầu từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Ba Tháng Hai. Dài 920m.	Đoạn từ đường Ba Tháng Hai đến đường Hoàng Dư Khương, thuộc quận 10. Dài 670m.	Thuộc địa bàn quận 3, 10. Bắt đầu từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Hoàng Dư Khương. Dài 1.590m.
5	HOÀNG DƯ KHƯƠNG	Thuộc địa bàn quận 10. Bắt đầu từ đường Lê Hồng Phong đến Công ty Mỹ phẩm Như Ngọc. Dài 300m.	Đoạn từ Công ty Mỹ phẩm Như Ngọc đến đường Hòa Hưng, thuộc quận 10. Dài 284m.	Thuộc địa bàn quận 10. Bắt đầu từ đường Lê Hồng Phong đến đường Hòa Hưng. Dài 584m.
6	SU' VẠN HẠNH	Thuộc địa bàn quận 5, 10. Bắt đầu từ đường An Dương Vương đến đường Ba Tháng Hai. Dài 1.376m.	Đoạn từ đường Ba Tháng Hai đến đường Tô Hiến Thành, thuộc quận 10. Dài 1.106m.	Thuộc địa bàn quận 5, 10. Bắt đầu từ đường An Dương Vương đến đường Tô Hiến Thành. Dài 2.482m.

7	LÊ HỒNG PHONG	Thuộc địa bàn quận 5, 10. Bắt đầu từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ba Tháng Hai. Dài 1.877m.	Đoạn từ đường Ba Tháng Hai đến Công viên Kỳ Hòa (ngã ba Hoàng Dur Khương), thuộc quận 10. Dài 366m	Thuộc địa bàn quận 5, 10. Bắt đầu từ đường Trần Hưng Đạo đến Công viên Kỳ Hòa (ngã ba Hoàng Dur Khương). Dài 2.243m.
8	HỒNG HÀ	Thuộc địa bàn quận Tân Bình, Phú Nhuận. Bắt đầu từ đường Trường Sơn đến ranh địa giới hành chính giữa quận Tân Bình và quận Phú Nhuận. Dài 1.103m.	Đoạn từ ranh địa giới hành chính giữa quận Tân Bình và quận Phú Nhuận đến hẻm 553 đường Nguyễn Kiệm, thuộc quận Phú Nhuận. Dài 546m.	Thuộc địa bàn quận Tân Bình, Phú Nhuận. Bắt đầu từ đường Trường Sơn đến hẻm 553 đường Nguyễn Kiệm. Dài 1.649m.
9	PHỔ QUANG	Thuộc địa bàn quận Tân Bình, Phú Nhuận. Bắt đầu từ đường Phan Đình Giót đến ranh địa giới hành chính giữa quận Tân Bình và quận Phú Nhuận. Dài 1.203m.	Đoạn từ ranh địa giới hành chính giữa quận Tân Bình và quận Phú Nhuận đến đường Đào Duy Anh, thuộc quận Phú Nhuận. Dài 315m.	Thuộc địa bàn quận Tân Bình, Phú Nhuận. Bắt đầu từ đường Phan Đình Giót đến đường Đào Duy Anh. Dài 1.518m.
10	NGUYỄN CÔNG HOAN	Thuộc địa bàn quận Bình Thạnh, Phú Nhuận. Bắt đầu từ đường Phan Đăng Lưu đến đường Trần Kế Xương. Dài 140m.	Đoạn từ đường Trần Kế Xương đến đường Trường Sa, thuộc quận Phú Nhuận. Dài 728m.	Thuộc địa bàn quận Bình Thạnh, Phú Nhuận. Bắt đầu từ đường Phan Đăng Lưu đến đường Trường Sa. Dài 868m

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3792/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 7 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân,  
xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn  
Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính - Thanh tra Chính phủ quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Văn phòng Tiếp công dân Thành phố tại Tờ trình số 33/TT-TCD ngày 04 tháng 7 năm 2012,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Về chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị và đơn phản ánh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

#### **1. Phạm vi áp dụng**

- a) Trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân cấp thành phố, quận, huyện, phường, xã, thị trấn;
- b) Trụ sở cơ quan các Sở - ban, ngành Thành phố.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

- a) Cán bộ, công chức tại các trụ sở Tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân

của Ủy ban nhân dân Thành phố; các Sở - ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện; Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị và đơn phản ánh.

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất; cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền mời, triệu tập làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị và đơn phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

c) Cán bộ, công chức; sĩ quan, hạ sĩ quan và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang; cán bộ dân phòng, y tế, giao thông khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp làm nhiệm vụ tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân.

d) Cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị và đơn phản ánh.

e) Cán bộ, công chức (bao gồm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị có thẩm quyền xử lý, giải quyết theo quy định) được cấp có thẩm quyền hoặc người có thẩm quyền giao nhiệm vụ tham mưu lập hồ sơ, rà soát hồ sơ giải quyết đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị và đơn phản ánh.

### **3. Nguyên tắc áp dụng**

a) Chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị và đơn phản ánh được tính theo ngày thực tế.

b) Trường hợp cán bộ, công chức khi tham gia tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị và đơn phản ánh từ 50% thời gian tiêu chuẩn của ngày làm việc trở lên thì được hưởng toàn bộ mức chi bồi dưỡng, nếu dưới 50% thời gian tiêu chuẩn của ngày làm việc thì được hưởng 50% mức chi bồi dưỡng.

c) Cán bộ, công chức được phân công, giao nhiều nhiệm vụ khác nhau thì được hưởng cùng một lúc nhiều mức chi bồi dưỡng khác nhau tương ứng với nội dung nhiệm vụ được phân công.

### **4. Mức chi**

a) Cán bộ, công chức thuộc đối tượng quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều này mà chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra, khi

trực tiếp tham gia công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được bồi dưỡng mức 100.000 đồng/ngày/người.

b) Cán bộ, công chức thuộc đối tượng quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều này mà đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra, khi trực tiếp tham gia công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được bồi dưỡng mức 80.000 đồng/ngày/người.

c) Các đối tượng tham gia phối hợp làm nhiệm vụ tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này được bồi dưỡng mức 50.000 đồng/ngày/người.

d) Cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền hoặc người có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn thư quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này được bồi dưỡng mức 50.000 đồng/ngày/người.

e) Cán bộ, công chức quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều này khi làm nhiệm vụ được bồi dưỡng mức 200.000 đồng/hồ sơ (với định mức một hồ sơ không quá 04 ngày tiếp dân, với mức: 50.000 đồng/ngày) nhưng mức tối đa không vượt quá 800.000 đồng/người/tháng (04 hồ sơ/người/tháng). Mức chi tối đa quy định tại điểm này không áp dụng đối với các mức chi tại Điểm a, Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 4 Điều này.

## **Điều 2. Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán**

### **1. Cách chi trả:**

a) Hàng tháng cơ quan, đơn vị được giao phụ trách công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, có trách nhiệm mở sổ theo dõi, ghi chép đầy đủ nội dung và số ngày; lập bảng kê chi tiết và xác nhận số ngày thực tế trực tiếp tham gia của cán bộ, công chức; những người tham gia phối hợp; những người chuyên trách xử lý đơn thư để làm căn cứ chi trả.

b) Tiền bồi dưỡng cho các đối tượng được quy định tại Điểm a, Điểm d và Điểm e Khoản 2 Điều 1 Quyết định này thuộc biên chế trả lương của cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm chi trả.

c) Tiền bồi dưỡng cho các đối tượng được quy định tại Điểm b và Điểm c, Khoản 2 Điều 1 Quyết định này do cơ quan có thẩm quyền mời, triệu tập chi trả.

d) Tiền bồi dưỡng này được thanh toán cùng tiền lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.



**2. Nguồn kinh phí:**

a) Đối với Sở - ban, ngành Thành phố: Kinh phí chi trả tiền bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được bố trí trong nguồn kinh phí không tự chủ tài chính hàng năm của cơ quan, đơn vị.

b) Đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn: Được cân đối trong ngân sách địa phương, từ nguồn kinh phí không tự chủ tài chính.

**Điều 3.**

Thực hiện chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố kể từ ngày Thông tư liên tịch số 46/2012/TTLT-BTC-TTCT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính và Thanh tra Chính phủ có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 5 năm 2012).

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Công văn số 8088/UBND-TM ngày 25 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn thư hết hiệu lực thi hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ nhiệm Văn phòng Tiếp công dân Thành phố, Chánh Thanh tra Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Trí**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3905/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số  
và Sức khỏe sinh sản Việt Nam của Thành phố Hồ Chí Minh  
giai đoạn 2011 - 2015**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Thành ủy, thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số và Kế hoạch hóa gia đình” và Chỉ thị số 49-CT/TW của Ban Bí thư về “Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”;

Căn cứ Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số và Kế hoạch hóa gia đình;

Căn cứ Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách về Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế Thành phố tại Tờ trình số 3910/TTr-SYT ngày 10 tháng 7 năm 2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam của Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2011 - 2015.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Hành động thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3905/QĐ-UBND  
ngày 31 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản của Thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chính sách dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm góp phần triển khai thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố giai đoạn 2011 - 2015, đồng thời là cơ sở quan trọng cho việc thực hiện thắng lợi Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

#### **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ TỪ NĂM 2001 - 2010**

##### **1. Tình hình thực hiện mục tiêu của Chiến lược:**

1.1. Mức sinh liên tục giảm trong từng năm, đạt khá tốt các chỉ tiêu mục tiêu dân số được giao:

- Tỷ suất sinh thô giảm từ 17,00‰ năm 2001 xuống còn 13,98‰ năm 2010, bình quân tỷ lệ sinh mỗi năm giảm 0,3‰, vượt chỉ tiêu kế hoạch hàng năm (giảm bình quân năm 0,1‰).

- Tỷ lệ trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên giảm đều hàng năm, bình quân giảm 0,2%/năm, đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (giảm từ 0,1 - 0,2%/năm).

- Tổng tỷ suất sinh từ 1,72 con năm 2001, giảm xuống còn 1,45 con năm 2010 (chỉ tiêu kế hoạch của thành phố đề ra đến năm 2010 tổng tỷ suất sinh dưới 1,70 con).

1.2. Sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại đạt ở mức cao, từng bước đa dạng hóa các biện pháp tránh thai, góp phần duy trì xu thế giảm sinh:

- Tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tránh thai trên 80%; trong đó tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại được duy trì đều ở mức phần đầu trên 68% (năm 2001: 67,0%, năm 2006: 67,4%, năm 2010 đạt 72%), đạt chỉ tiêu kế hoạch thành phố đề ra (tỷ lệ các cặp vợ chồng sử dụng biện pháp tránh thai trên 70%).

### 1.3. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em đạt kết quả khá cao:

- Tỷ suất chết mẹ dưới 10/100.000 trẻ đẻ sống. Năm 2010 là 6,82/100.000 trẻ đẻ sống, vượt chỉ tiêu Chiến lược Sức khỏe sinh sản đề ra (70/100.000 trẻ đẻ sống).

- Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi bình quân năm dưới 11‰ (năm 2001 là 15,1‰, năm 2010 là 9,65‰). Vượt chỉ tiêu Chiến lược (25‰).

- Giảm số trường hợp nạo phá thai hàng năm. Năm 2000 số ca nạo phá thai là 127/100 trẻ đẻ ra sống, năm 2010 còn 76/100 trẻ đẻ ra sống, kết quả giảm 40,2% so với năm 2000. Đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra (giảm 10% mỗi năm).

### 1.4. Quy mô, cơ cấu dân số tiếp tục thay đổi; người nhập cư đến thành phố vẫn ở mức độ cao, phân bố dân số không đều:

- Dân số thành phố năm 2010 là 7.396.446 người, trong đó nữ 3.864.899 người, (tỷ lệ nữ 52,25%). Dân số thành thị 6.152.262 người (chiếm 83,18%); dân số nông thôn 1.244.182 người. Chỉ tiêu quy mô dân số thành phố đến năm 2010 là 7,2 triệu người. Tỷ lệ tăng dân số của thành phố giai đoạn 1999 - 2009 là 3,5%/năm.

- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên giảm dần theo từng năm, năm 2001 là 13,00‰, năm 2005: 11,44‰, năm 2010: 10,35‰, bình quân mỗi năm giảm 0,28‰. Vượt chỉ tiêu kế hoạch thành phố đề ra (giảm bình quân mỗi năm khoảng 0,1‰). Tỷ lệ tăng dân số cơ học vẫn ở mức độ cao, 2001 là 22,54‰, năm 2006 là 19,91‰ đến 2009 là 25‰.

- Tỷ suất chết thô giảm dần trong các năm và ở mức bình quân dưới 4‰ (năm 2005: 4,17‰ năm 2010 giảm xuống còn 3,63‰). Vượt chỉ tiêu Chiến lược đề ra (giảm 5‰).

- Tỷ số giới tính khi sinh có chênh lệch và không đều ở các giai đoạn, năm 1999 là 110 bé trai/100 bé gái, năm 2009 là 112,3 bé trai/100 bé gái; năm 2011 là 108 bé trai/100 bé gái.

- Phân bố dân số không đều giữa các quận - huyện, dân số của 19 quận là 6.060.202 người (tỷ lệ 83,18%), dân số 5 huyện là 1.336.244 người (tỷ lệ 16,82%). Có 02 quận dân số trên 500 ngàn dân (quận Gò Vấp, quận Bình Tân), 07 quận-huyện dân số trên 400 ngàn dân (quận 8, quận 12, quận Tân Bình, quận Tân Phú, quận Bình Thạnh, quận Thủ Đức, huyện Bình Chánh), trên 300.000 dân có 02 huyện (huyện Củ Chi, huyện Hóc Môn).

### 1.5. Kết quả thực hiện các chỉ báo kiểm định chất lượng dân số, sức khỏe sinh sản có tiên bộ đáng kể, góp phần nâng chất lượng cuộc sống:

- Chỉ số phát triển con người (HDI) của thành phố năm 2009 xếp hạng thứ 3/63 tỉnh, thành phố;

- Tuổi thọ trung bình của người dân thành phố ở mức khá cao 75,1 tuổi, thời điểm năm 2009;

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 11%, GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 2.800 USD; Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thu nhập 12 triệu đồng/người/năm 3,79%, thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011;

- Thành phố đã hoàn thành phổ cập bậc trung học năm 2008.

- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn dưới 7,6%.

## **2. Tình hình thực hiện các giải pháp của Chiến lược**

- Công tác tuyên truyền, vận động và giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình được sự quan tâm tích cực của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể và được thực hiện tương đối đồng bộ, nội dung, hình thức được chú ý cải tiến với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, nội dung hình thức được đổi mới; giáo dục về dân số và sức khỏe sinh sản được đưa vào các nhóm đối tượng của chương trình như: nhóm người trong độ tuổi sinh đẻ, nhóm phụ nữ lao động nhập cư, nhóm phụ nữ lao động nghèo các địa bàn khó khăn, nhóm thanh niên - vị thành niên trong trường học, đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành vi của người dân.

- Quy mô gia đình ít con ngày càng được sự đồng thuận cao của xã hội, hiểu biết và thực hành về kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em trong các tầng lớp nhân dân được nâng lên rõ rệt. Các hoạt động truyền thông được thực hiện khá tốt, góp phần vào việc xây dựng các chính sách, huy động thêm nguồn lực và tạo môi trường thuận lợi cho công tác dân số và sức khỏe sinh sản.

- Mạng lưới dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được củng cố và phát triển. Mạng lưới y tế công lập và ngoài công lập cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình phát triển bao gồm các Bệnh viện chuyên khoa phụ sản, Bệnh viện đa khoa có khoa phụ sản, các Phòng khám phụ sản, Nhà hộ sinh, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản thành phố, khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản thuộc Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện, trạm y tế phường - xã. Mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được củng cố, kiện toàn ở các tuyến, đáp ứng nhu cầu cơ bản của người dân thành phố về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

- 100% phường - xã, thị trấn có trạm y tế; 74% phường - xã, thị trấn (238/322) đạt chuẩn quốc gia về y tế; 88,5% số trạm y tế phường - xã, thị trấn (285/322) có bác sĩ; 320/322 phường - xã, thị trấn có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi; 100% khu phố - ấp có cộng tác viên dân số. Hầu hết nữ hộ sinh, y sĩ sản nhi, nhân viên y tế cơ sở được đào tạo và có kỹ năng cơ bản về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình theo chuẩn quốc gia; cán bộ chuyên trách và cộng tác viên dân số được tập huấn về kiến thức, kỹ năng và thực hiện cung cấp các dịch vụ tư vấn, biện pháp tránh thai phi lâm sàng tại cộng đồng.

- Nhiều văn bản chính sách được ban hành, đặc biệt là chính sách dành riêng cho người thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, khen thưởng phường - xã, thị trấn, khu phố - ấp không có người sinh con thứ 3 trở lên, tạo được phong trào thi đua thiết thực ở địa bàn dân cư. Các chỉ tiêu phấn đấu về dân số - sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình được các Cấp ủy Đảng đưa vào Nghị quyết, chính quyền đưa vào chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Đầu tư thêm nguồn lực cho chương trình mục tiêu từ nguồn ngân sách địa phương mỗi năm hơn 10 tỷ đồng.

- Việc xã hội hóa công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đã được chú trọng và có nhiều chuyển biến tích cực. Mạng lưới cung cấp dịch vụ tư nhân chăm sóc sức khỏe sinh sản được mở rộng, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội; tiếp thị xã hội phương tiện tránh thai được tăng cường, dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản được mở rộng; tỷ lệ khách hàng tự chi trả ngày càng tăng.

- Bộ máy tổ chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình các cấp tiếp tục được củng cố, kiện toàn đã góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

- Hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành dân số - kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được củng cố, hoàn thiện, có 25 kho dữ liệu điện tử (thành phố và 24 quận - huyện), đã nhập được trên 98% thông tin từ sổ hộ gia đình vào kho dữ liệu điện tử, bước đầu phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành chương trình, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hệ thống báo cáo, thông tin, số liệu được cập nhật ngày càng tốt hơn.

### **3. Nhận xét, đánh giá:**

#### **a) Mặt mạnh:**

Sự quan tâm của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến quận - huyện, phường - xã, thị trấn; từng cấp có kế hoạch cụ thể nhằm tổ chức triển khai thực hiện chính sách

dân số và sức khỏe sinh sản; nhiều biện pháp được phối hợp đồng bộ với các ban, ngành, đoàn thể chức năng, từ đó đã huy động được nhiều nguồn lực tham gia công tác dân số và sức khỏe sinh sản. Nội dung dân số và sức khỏe sinh sản đã được lồng ghép vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình, kế hoạch hoạt động của ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, phong trào thi đua công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được xây dựng và duy trì liên tục ở địa bàn dân cư và phường - xã, thị trấn.

Sự nhiệt tình, tinh thần trách nhiệm, nỗ lực kiên trì thực hiện công tác của đội ngũ cán bộ dân số, y tế, cộng tác viên dân số từ thành phố đến cơ sở đã tác động trực tiếp đến nhận thức của người dân về thực hiện chính sách dân số và sức khỏe sinh sản, từ đó điều chỉnh hành vi theo hướng tích cực và đã có sự chuyển biến tích cực trong hôn nhân và sinh đẻ của người dân.

b) Những khó khăn hạn chế, bất cập:

Những năm qua, thành phố đã hoàn thành tốt mục tiêu dân số và chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tuy nhiên, trong điều kiện đặc thù về dân số như: dân số đông, phân bố dân số không đều, các quận - huyện khu vực vùng ven có tốc độ đô thị hóa nhanh, biến động dân cư rất lớn, dân nhập cư đông, dân số thực tế thường trú tăng lên đáng kể (bình quân mỗi năm tăng 3,5%), trình độ dân trí không đồng đều, là những áp lực khó khăn trong công tác quản lý dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và thực hiện công tác kế hoạch hóa gia đình.

c) Nguyên nhân của hạn chế bất cập:

Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ đến công tác dân số và sức khỏe sinh sản; chưa tạo được sự phối hợp hoạt động đồng bộ giữa các ban, ngành, đoàn thể.

Tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác dân số không ổn định, do đó gặp không ít khó khăn trong việc tham mưu, phối hợp, triển khai các hoạt động trên địa bàn thành phố. Năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ chưa mạnh, cán bộ cấp phường - xã, thị trấn còn phải kiêm nhiệm nhiều công tác khác, cộng tác viên dân số thay đổi nhiều, trình độ năng lực còn hạn chế.

Đầu tư nguồn lực của Nhà nước cho công tác dân số và sức khỏe sinh sản chưa đáp ứng nhu cầu thực hiện các giải pháp, nhất là hoạt động truyền thông giáo dục.

## **II. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

### **1. Cơ sở pháp lý:**



- Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ giai đoạn 2010 - 2015 thực hiện kết luận số 44-KL/TW ngày 01 tháng 4 năm 2009 của Bộ Chính trị về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình”.

- Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

- Thông báo số 05/TB-VPCP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại Hội nghị trực tuyến triển khai Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011 - 2020.

- Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

- Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách về Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015.

## **2. Những vấn đề cần giải quyết:**

### **a) Vấn đề chăm sóc sức khỏe sinh sản:**

Tỷ lệ nạo phá thai ngoài ý muốn vẫn còn cao. Năm 2010 có 76 ca nạo phá thai/100 trẻ sinh sống; tỷ lệ vị thành niên, thanh niên hiểu biết chưa đúng về tình dục an toàn 58% (theo số liệu khảo sát); tình hình nhiễm khuẩn đường sinh sản trung bình 45% (số phụ nữ khám phụ khoa trong các đợt Chiến dịch); tình hình lây nhiễm HIV/AIDS cần tiếp tục được quan tâm (6 tháng đầu năm 2012 có 1064 trường hợp nhiễm mới); nhóm dân số lao động trẻ cao, dân số lao động nhập cư trên 1 triệu người; do điều kiện sống xa gia đình nên nhóm lao động nhập cư thường thiếu thốn, khao khát tình cảm.

b) Cần quan tâm đến việc cải thiện và nâng cao chất lượng dân số những năm đầu đời để giải quyết thực trạng dân số và đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu Chiến lược.

Thực tế việc kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân của các cặp nam, nữ chuẩn bị kết hôn chưa được quan tâm, tuy nhiên tỷ lệ phát hiện mắc bệnh cao trên 30% (số nam nữ thanh niên được khám bởi mô hình tư vấn - kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân); các

bà mẹ hiểu biết về sàng lọc trước sinh và sơ sinh không đúng là 58%, tỷ lệ phát hiện bệnh tật qua sàng lọc là 1,5 đến 2%; tình trạng lây truyền HIV từ mẹ sang con năm 2011 là 2,9%; tình hình trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn dưới 7%, và tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì 9%; kiến thức phòng chống dịch bệnh của dân cư các khu xóm lao động nghèo, các khu nhà trọ, vùng ven, nông thôn còn hạn chế, tình hình dịch bệnh dễ xảy ra ở các khu vực này như sốt xuất huyết, tay chân miệng.

c) Vấn đề mất cân bằng tỷ số giới tính khi sinh:

Tỷ số giới tính khi sinh của thành phố trong các năm qua dao động từ 108 - 110 bé trai/100 bé gái (kết quả tổng điều tra dân số nhà ở năm 2009, tỷ số giới tính khi sinh của thành phố là 112,3/100); tình hình mất cân bằng giới tính khi sinh ở các huyện ngoại thành còn khá cao, do nhận thức của người dân thích con trai hơn con gái; phương pháp sinh con theo ý muốn còn phổ biến ở các phòng mạch tư, sách báo, tài liệu.

d) Duy trì mức sinh hợp lý:

Dân số lao động nhập cư trên 1 triệu người, bên cạnh đó dân số nữ trong độ tuổi sinh đẻ khá cao, nếu không có chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình thích hợp thì khả năng mức sinh sẽ khó kiểm giữ.

đ) Vấn đề chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

Số người cao tuổi của thành phố tiếp tục tăng, tổng số người từ 60 tuổi trở lên là 475.762 người (chiếm tỷ lệ 6,6% dân số), người cao tuổi cần được đặc biệt quan tâm chăm sóc.

### 3. Mục tiêu:

#### 3.1. Mục tiêu tổng quát:

Nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, duy trì mức sinh hợp lý, giải quyết tốt những vấn đề về cơ cấu dân số và phân bố dân cư góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

#### 3.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

- **Mục tiêu 1:** Duy trì tổng tỷ suất sinh hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu kế hoạch hóa gia đình của người dân, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ sinh sản có chất lượng; chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu của cả nước vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 1: Hàng năm duy trì mức sinh hợp lý.

+ Chỉ tiêu 2: Quy mô dân số thành phố khoảng 8,6 triệu người vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 3: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa GDP bình quân hàng năm 12%; đến năm 2015 tổng sản phẩm nội địa GDP bình quân trên đầu người đạt 4.800 USD.

+ Chỉ tiêu 4: Tuổi thọ trung bình: 75,9 tuổi.

+ Chỉ tiêu 5: Tiếp tục duy trì kết quả chống mù chữ; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và phổ cập bậc trung học; thực hiện phổ cập ngoại ngữ, tin học cho học sinh phổ thông.

- **Mục tiêu 2:** Kiểm giữ tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh, tập trung tại các quận - huyện có tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

+ Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá mức 110 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 2: Các quận, huyện có tỷ số giới tính khi sinh cao giảm xuống còn không quá 111 bé trai/100 bé gái vào năm 2015.

- **Mục tiêu 3:** Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật do rối loạn chuyển hóa và di truyền ở trẻ sơ sinh; nâng cao sức khỏe, giảm bệnh, tật, tử vong ở trẻ em.

+ Chỉ tiêu 1: Mức giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi  $\leq 9,3\%$  vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ bà mẹ đang mang thai được sàng lọc trước sinh đạt 50% vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc đạt 60% vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 8%.

+ Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ vị thành niên, thanh niên được truyền thông, tư vấn về sức khỏe sinh sản là 90% và tỷ lệ thành niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn được khám sức khỏe tiền hôn nhân là 70%.

- **Mục tiêu 4:** Giảm nhiễm khuẩn đường sinh sản, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục; chủ động phòng ngừa, phát hiện và điều trị sớm ung thư đường sinh sản, chú trọng sàng lọc ung thư đường sinh sản ở phụ nữ trong độ tuổi 30 - 54 tuổi.

+ Chỉ tiêu 1: Giảm 20% tỷ lệ nhiễm khuẩn đường sinh sản so với năm 2010.

+ Chỉ tiêu 2: Giảm 15% tỷ lệ nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục so với năm 2010.

+ Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ phụ nữ ở độ tuổi 30 - 45 được sàng lọc ung thư cổ tử cung đạt 40% vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ phụ nữ trên 40 tuổi được sàng lọc ung thư vú đạt 45% vào năm 2015.

- **Mục tiêu 5:** Giảm tỷ lệ phá thai xuống dưới mức 55/100 trẻ sinh ra sống vào năm 2015, cơ bản loại trừ phá thai không an toàn.

- **Mục tiêu 6:** Cải thiện sức khỏe sinh sản của người chưa thành niên và thanh niên.

+ Chỉ tiêu 1: Tăng tỷ lệ điểm cung cấp dịch vụ đã được tập huấn về chăm sóc sức khỏe sinh sản thân thiện với người chưa thành niên và thanh niên lên 50% trên tổng số điểm cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản vào năm 2015.

+ Chỉ tiêu 2: Giảm 20% số người chưa thành niên có thai ngoài ý muốn vào năm 2015.

- **Mục tiêu 7:** Nâng cao sức khỏe bà mẹ, giảm tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản  $\leq 10/100.000$  trẻ sinh sống vào năm 2015.

- **Mục tiêu 8:** Cải thiện sức khỏe sinh sản người dân nhập cư, người khuyết tật, người nhiễm HIV; đáp ứng kịp thời nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người là nạn nhân của bạo lực vì lý do giới tính và trong trường hợp thảm họa, thiên tai.

Tăng tỷ lệ tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của người dân nhập cư, người khuyết tật, người nhiễm HIV lên 50% vào năm 2015.

- **Mục tiêu 9:** Tăng cường chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

+ Tăng tỷ lệ cơ sở y tế tuyến quận - huyện trở lên có điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi lên 35% vào năm 2015.

+ Tăng tỷ lệ người cao tuổi được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng lên 40% vào năm 2015.

- **Mục tiêu 10:** Tăng cường lồng ghép các vấn đề dân số vào hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện thông tin quản lý về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đáp ứng yêu cầu xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

### III. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

**1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác dân số và sức khỏe sinh sản:**

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo được nêu tại các văn bản: Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ giai đoạn 2010 - 2015 về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 về quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số và Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi Khoản 6, Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010; Quy định số 94-QĐ/TW ngày 15 tháng 10 năm 2007 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình và Quyết định số 09-QĐ/TW ngày 24 tháng 3 năm 2011 của Bộ Chính trị về bổ sung, sửa đổi Điều 7, Quy định số 94-QĐ/TW ngày 15 tháng 10 năm 2007; Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 13/2008/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Chương trình hành động về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015 trong cán bộ, đảng viên và chỉ đạo tuyên truyền Chiến lược trong đoàn viên, hội viên các đoàn thể và nhân dân.

- Công tác dân số, sức khỏe sinh sản là một nội dung trọng tâm trong các chương trình, kế hoạch công tác thường xuyên của cấp ủy Đảng, chính quyền. Các chỉ tiêu về dân số - sức khỏe sinh sản cần được lồng ghép vào việc hoạch định cụ thể trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015 và những năm tiếp theo.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chính sách pháp luật, các chương trình, kế hoạch về dân số và sức khỏe sinh sản, đặc biệt là kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân làm dịch vụ chẩn đoán và lựa chọn giới tính thai nhi; nâng cao vai trò giám sát của cộng đồng trong việc thực hiện các chính sách, pháp luật.

## **2. Truyền thông - giáo dục chuyển đổi hành vi:**

- Thường xuyên cung cấp thông tin cập nhật, có chất lượng về các vấn đề dân số, sức khỏe sinh sản đến lãnh đạo các cấp, những người có uy tín trong cộng đồng nhằm tạo sự ủng hộ, cam kết mạnh hơn về chính sách, nguồn lực và tạo dư luận xã

hội thuận lợi cho công tác dân số, sức khỏe sinh sản. Tăng cường các cuộc tiếp xúc trao đổi trên các phương tiện thông tin đại chúng với lãnh đạo Đảng, chính quyền các cấp, các chức sắc tôn giáo, những người có ảnh hưởng trong xã hội về những vấn đề về dân số, sức khỏe sinh sản nhằm đảm bảo thông tin đúng đắn, đa chiều.

- Tiếp tục thực hiện và nâng cao hiệu quả truyền thông trực tiếp thông qua mạng lưới cộng tác viên dân số, cán bộ trạm y tế, tuyên truyền viên của các ban, ngành, đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội nhằm tạo sự thay đổi hành vi bền vững về dân số, sức khỏe sinh sản nhất là các xã vùng sâu, ven biển, khu vực có nhiều người lao động nhập cư, các khu xóm lao động nghèo, các khu công nghiệp, khu chế xuất. Tăng cường về số lượng và chất lượng các hoạt động tư vấn theo nhóm, tăng cường hoạt động của các điểm tư vấn, tư vấn thông qua các lần cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

- Triển khai mạnh, có hiệu quả các hoạt động truyền thông, giáo dục với nội dung, hình thức phù hợp với từng nhóm đối tượng; ưu tiên những nhóm đối tượng khó tiếp cận thông tin và dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản. Mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, bao gồm cả giáo dục về phòng ngừa nhiễm HIV, bình đẳng giới, mất cân bằng giới tính khi sinh và sức khỏe tình dục cho nhóm vị thành niên và thanh niên, đặc biệt là lao động nhập cư trẻ, công nhân trẻ trong các khu công nghiệp, khu chế xuất thông qua các phương pháp truyền thông tiếp cận phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Tăng cường phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể các cấp để lồng ghép truyền thông về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình đến đoàn viên, hội viên, các đoàn thể và nhân dân nhằm tạo sự đồng tình thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Nâng cao chất lượng các chương trình, tin, bài về dân số, sức khỏe sinh sản, tăng số lượng các chương trình, tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là trên truyền hình và phát thanh. Xây dựng các thông điệp truyền thông thích hợp, dễ hiểu; tăng cường sử dụng internet, trên mạng Medinet của Sở Y tế, truyền thông đa phương tiện để cung cấp thông tin, kiến thức, tạo sự chuyển đổi hành vi về dân số và sức khỏe sinh sản cho các đối tượng có sử dụng các phương tiện này. Nâng cao chất lượng trang web của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình nhằm cung cấp thông tin, kiến thức, trao đổi tư vấn cho các đối tượng có nhu cầu.

- Mở rộng các hình thức tư vấn của các cơ sở dịch vụ, các trung tâm, điểm tư vấn thành phố, quận - huyện. Tăng cường về số lượng và chất lượng các hoạt động tư

vấn theo nhóm, làm tốt việc tư vấn trước và sau khi cung cấp dịch vụ tại các cơ sở cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản; mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động mô hình tư vấn sức khỏe sinh sản - tiền hôn nhân.

### **3. Mở rộng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình:**

- Tăng cường năng lực mạng lưới cung cấp dịch vụ có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với thực tế của địa phương và bảo đảm đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người dân thành phố, ưu tiên vùng ngoại thành, ven biển, các khu vực đông dân nhập cư, các khu chế xuất, khu công nghiệp; củng cố, hoàn thiện mạng lưới cung cấp dịch vụ và nâng cao chất lượng mạng lưới chăm sóc sơ sinh.

- Mở rộng chương trình, tiến tới mở rộng cung cấp các dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh, đưa các dịch vụ này trở thành thường quy tại các cơ sở y tế tuyến quận - huyện. Tổ chức quản lý những trường hợp được phát hiện bệnh, tật bẩm sinh để tư vấn, vận động và hỗ trợ theo dõi, điều trị thích hợp tại cơ sở y tế theo quy định. Từng bước phát triển, lồng ghép các dịch vụ tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân và tư vấn khi phụ nữ chuẩn bị mang thai.

- Bổ sung nhân lực, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng thực hành cho nhân viên cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình theo phân cấp và phân tuyến kỹ thuật. Đào tạo và cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ, chú trọng kỹ năng tư vấn và giáo dục sức khỏe cộng đồng.

- Bổ sung, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, dụng cụ y tế cho các điểm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, đảm bảo các yêu cầu về quy trình và phân tuyến kỹ thuật, ưu tiên cho tuyến cơ sở, tuyến quận, huyện. Chú trọng đảm bảo các phương tiện vận chuyển, trang thiết bị và dụng cụ y tế để đưa dịch vụ đến tận người dân ở những địa bàn khó khăn.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời, thuận tiện các phương tiện tránh thai cho các đối tượng có nhu cầu, có đăng ký sử dụng. Nâng cao chất lượng hoạt động tiếp thị xã hội và cung cấp các phương tiện tránh thai an toàn thuận tiện cho các đối tượng sử dụng.

- Mở rộng mô hình cung cấp dịch vụ thân thiện với vị thành niên và thanh niên. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, tư vấn lồng ghép với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe thân thiện với vị thành niên và thanh niên (mở rộng mô hình góc thân thiện vị thành niên, thanh niên tại các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản).

- Dự phòng, sàng lọc và điều trị ung thư đường sinh sản. Cập nhật chuyên môn kỹ thuật về dự phòng phát hiện và xử lý ung thư đường sinh sản; tổ chức mạng lưới khám phát hiện và điều trị sớm ung thư đường sinh sản; nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua tầm soát ung thư vú, ung thư cổ tử cung trở thành thường quy; đảm bảo nguồn lực phục vụ cho chẩn đoán và điều trị ung thư đường sinh sản.

- Thực hiện quy trình kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện các quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình tại tất cả các tuyến, các cơ sở cung cấp dịch vụ kể cả y tế tư nhân. Chú trọng hoạt động cung cấp thông tin, tư vấn cho khách hàng trước, trong và sau khi thực hiện dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; xác định tư vấn là một bước quan trọng phải thực hiện trong quá trình cung cấp dịch vụ.

- Cập nhật các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Phát triển khoa chăm sóc người cao tuổi ở một số bệnh viện thành phố và một số bệnh viện quận - huyện; triển khai các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi; sức khỏe sinh sản cho nam giới, tư vấn về sức khỏe tình dục; điều trị các rối loạn tiền mãn kinh, mãn kinh, mãn dục nam; lồng ghép tuyên truyền giáo dục với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

#### **4. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ làm công tác dân số và sức khỏe sinh sản các cấp:**

- Tiếp tục củng cố và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình các cấp, phù hợp với tính chất khó khăn, phức tạp và lâu dài của công tác dân số - sức khỏe sinh sản theo hướng thống nhất mô hình tổ chức bộ máy chuyên trách dân số - kế hoạch hóa gia đình ở địa phương là Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; bổ sung đủ số lượng, nâng cao chất lượng của cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; chuyển cán bộ không chuyên trách làm công tác dân số ở phường - xã, thị trấn thành viên chức dân số.

- Củng cố nhân lực và phương tiện hoạt động của khoa sản bệnh viện, Trung tâm y tế dự phòng quận - huyện. Phấn đấu 100% phường - xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Đảm bảo 100% phường - xã, thị trấn có cán bộ chuyên trách là viên chức dân số làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; củng cố, bổ sung kịp thời số cộng tác viên dân số do có thay đổi nhằm đảm bảo tất cả các địa bàn đều có cộng tác viên dân số quản lý; củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của cộng tác viên và nhân viên y tế cơ sở trong việc tuyên truyền vận động, quản lý đối tượng và cung cấp các dịch vụ



thích hợp đến tận hộ gia đình. Thường xuyên củng cố bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các cấp, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo.

- Ưu tiên nguồn lực để đào tạo trình độ trung cấp y tế - dân số hoặc lớp bồi dưỡng kiến thức dân số cơ bản cho cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình cấp phường - xã, thị trấn ngay trong giai đoạn đầu của kế hoạch. Quan tâm thích đáng đến việc đào tạo đại học, sau đại học về dân số, sản khoa, nhi khoa, lão khoa; đảm bảo mỗi quận - huyện đều có cán bộ đạt trình độ đại học về những lĩnh vực này, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ có trình độ cao về dân số và sức khỏe sinh sản; thường xuyên tổ chức lớp bồi dưỡng cho cán bộ làm công tác truyền thông, giáo dục, cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản ở các tuyến bao gồm cả khu vực tư nhân. Cập nhật kiến thức, kỹ năng cho cán bộ dân số cơ sở, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế cơ sở.

#### **5. Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách dân số và sức khỏe sinh sản:**

- Thực hiện tốt Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chính sách về Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015; xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và Nhà nước đối với đảng viên, công chức, viên chức vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các chính sách pháp luật về dân số.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến công tác dân số và sức khỏe sinh sản để kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp.

- Xây dựng các văn bản hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đảm bảo thực thi có hiệu quả trong lĩnh vực dân số, sức khỏe sinh sản.

- Hoàn thiện các chính sách khuyến khích trong lĩnh vực dân số, sức khỏe sinh sản thích hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Xây dựng một số chính sách khuyến khích như: Nhóm chính sách nhằm giải quyết một số nhiệm vụ trọng tâm các vấn đề mới đặt ra như: mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nữ lao động nhập cư, phụ nữ khu vực nông thôn ngoại thành; nhóm chính sách ưu đãi đối với cán bộ làm công tác dân số và sức khỏe sinh sản, nhất là đối với cán bộ cơ sở, cộng tác viên dân số, cán bộ y tế cơ sở.

## **6. Xã hội hóa, phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế:**

- Huy động rộng rãi các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng tham gia công tác truyền thông, giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, tham gia cung cấp các dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản với những hình thức phù hợp với quy hoạch phát triển, yêu cầu và đặc điểm của công tác dân số, sức khỏe sinh sản của thành phố.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, đề cao trách nhiệm tham gia của từng ngành, lĩnh vực trong thực hiện công tác dân số, sức khỏe sinh sản từ thành phố đến cơ sở, đặc biệt là giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan mật thiết đến các mục tiêu và giải pháp của kế hoạch hành động. Xây dựng kế hoạch cụ thể để phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân là thành viên Ban Chỉ đạo công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các cấp.

- Phát huy vai trò và sự tham gia tích cực của các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, đặc biệt là các hội nghề nghiệp trong việc thực hiện và giám sát các hoạt động cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ về tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm của các nước và các tổ chức quốc tế.

## **7. Đào tạo, nghiên cứu khoa học, thông tin số liệu và tài chính:**

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu về các lĩnh vực dân số, sức khỏe sinh sản và phát triển bền vững. Ưu tiên ứng dụng, phổ biến những thành tựu khoa học, công nghệ và tiến bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực liên quan đến dân số, sức khỏe sinh sản. Tăng cường đầu tư cho các hoạt động thông tin khoa học, cung cấp tài liệu, sách báo, ấn phẩm,... giúp các nhà quản lý, nghiên cứu tiếp cận dễ dàng với các nguồn tư liệu về các lĩnh vực liên quan đến dân số, sức khỏe sinh sản.

- Vận hành và nâng cao chất lượng hoạt động của kho dữ liệu cấp thành phố và quận - huyện; lập báo cáo thống kê dân số trên mạng máy tính; từng bước tiến tới tin học hóa công tác thống kê; hoàn thiện cơ chế, mở rộng các hình thức trao đổi, chia sẻ thông tin, số liệu liên quan đến dân số, sức khỏe sinh sản giữa các cơ quan, tổ chức; tăng cường phối hợp liên ngành trong việc sử dụng thông tin, đánh giá hiệu quả, tác động của dân số, sức khỏe sinh sản.

## **8. Đầu tư và khai thác các nguồn lực cho công tác dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình:**

- Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí của Trung ương, tăng cường mức đầu tư

kinh phí của địa phương cho công tác dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, đồng thời huy động sự đóng góp của cộng đồng, đảm bảo đủ kinh phí triển khai toàn diện công tác dân số cả về quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số và quản lý dân số. Xác định đầu tư cho công tác dân số là đầu tư cho phát triển bền vững mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Tranh thủ sự hỗ trợ hàng hóa, thuốc men, trang thiết bị và dụng cụ y tế cũng như chuyên gia công nghệ, kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ, cá nhân người nước ngoài, các tổ chức xã hội từ thiện.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tập thể và cá nhân đầu tư vào lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, dịch vụ an sinh, phúc lợi xã hội thích ứng với những thay đổi về dân số của thành phố.

- Thực hiện phân bổ công khai ngân sách hàng năm cho chương trình theo hướng tập trung cho cơ sở; nguồn ngân sách Trung ương, Thành phố chủ yếu để thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch, thực hiện chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước.

- Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn có trách nhiệm chủ động cân đối ngân sách và huy động các nguồn lực khác, đáp ứng nhu cầu của nhân dân sống tại địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý; đồng thời đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu của kế hoạch hành động.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Phân chia giai đoạn thực hiện kế hoạch hành động:**

###### **a) Giai đoạn 1 (2011 - 2013):**

- Thực hiện đồng bộ các nội dung dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình duy trì mức sinh hợp lý, chênh lệch giới tính khi sinh ở mức 110 bé trai/100 bé gái, hoàn thành các chỉ tiêu về sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được giao hàng năm.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các Đề án, mô hình đã được phê duyệt như: Đề án kiểm soát dân số vùng biển đảo, ven biển; Đề án giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; Đề án nâng cao chất lượng dân số thông qua tuyên truyền vận động phát hiện, can thiệp sớm tật, bệnh ở thai nhi và sơ sinh.

- Triển khai điểm tư vấn sức khỏe sinh sản - tiền hôn nhân; Phòng khám sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình.

- Thực hiện mô hình tư vấn và khám sức khỏe vị thành niên và thanh niên.

- Thực hiện chương trình hành động truyền thông chuyển đổi hành vi về dân số - kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015.

b) Giai đoạn 2 (2014 - 2015):

Tiếp tục duy trì mức sinh hợp lý, hoàn thành các chỉ tiêu về dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình được giao hàng năm. Đánh giá sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch hành động, điều chỉnh kế hoạch phù hợp, triển khai toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch hành động dân số - sức khỏe sinh sản của thành phố.

## **2. Phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch hành động dân số - sức khỏe sinh sản:**

a) Sở Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo, tổ chức thực hiện, điều phối các chương trình dân số - sức khỏe sinh sản với những nội dung đã nêu trong kế hoạch hành động trên phạm vi toàn thành phố, đảm bảo gắn kết, lồng ghép chặt chẽ với các kế hoạch khác của ngành y tế và các sở, ngành khác có liên quan.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hàng năm phù hợp với Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo với Ủy ban nhân dân Thành phố; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch hành động vào năm 2013 và năm 2015.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản từ thành phố đến cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình các cấp; đào tạo và bồi dưỡng kỹ thuật cho những đơn vị, người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; thực hiện và ứng dụng những nghiên cứu khoa học liên quan.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính bố trí các nguồn lực cho chương trình dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản; chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, dự án về dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch.

c) Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế phân bổ ngân

sách cho Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản; kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng Luật Ngân sách và các quy định hiện hành.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện các nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, giới tính và bình đẳng giới cho học sinh; phối hợp với Sở Y tế xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cán bộ y tế trường học về nội dung dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính và bình đẳng giới, phòng chống HIV.

đ) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì đào tạo nghề, nâng cao hiệu quả giới thiệu việc làm và tạo việc làm nhằm sử dụng tối đa lực lượng lao động, phát huy lợi thế của giai đoạn “cơ cấu dân số vàng”; thực hiện các hình thức phù hợp hỗ trợ giáo dục về dân số - sức khỏe sinh sản trong các cơ sở dạy nghề; lồng ghép nội dung dân số - sức khỏe sinh sản vào các chương trình có liên quan do Sở chủ trì; phối hợp với các sở, ngành thực hiện các chính sách an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi và vị thế của phụ nữ và trẻ em gái, cải thiện phúc lợi và chất lượng cuộc sống của người cao tuổi.

e) Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế xây dựng, chỉ đạo thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học về dân số - sức khỏe sinh sản, đặc biệt là những nghiên cứu về nâng cao chất lượng dân số - sức khỏe sinh sản.

g) Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc xây dựng chính sách, quy hoạch, kế hoạch phân bố dân cư gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái; phối hợp với Sở Y tế thực hiện chương trình hạn chế tác hại của môi trường đối với sức khỏe cộng đồng, kiểm soát dân số vùng ven biển; đưa nội dung dân số thành tiêu chí đánh giá tác động môi trường khi xem xét và phê duyệt các chương trình, dự án, quy hoạch, kế hoạch.

h) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở - ngành liên quan, chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình nâng cao tầm vóc và thể lực của người dân thành phố; đưa các nội dung dân số - sức khỏe sinh sản lồng ghép tuyên truyền ở cơ sở thực hiện gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển gia đình bền vững, phòng chống bạo lực gia đình.

i) Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các cơ quan truyền thông thực hiện các hoạt động cung cấp thông tin, tuyên truyền, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số - sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới; hỗ trợ cộng đồng và người dân giám sát kết quả thi hành pháp luật và thực hiện chính sách liên quan đến dân số và phát triển.

k) Sở Tư pháp: Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan trong việc rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách dân số, sức khỏe sinh sản theo hướng tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực dân số.

l) Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thi hành các chính sách dân số - sức khỏe sinh sản, tuyên truyền vận động thực hiện chính sách dân số - sức khỏe sinh sản đối với đồng bào các dân tộc thiểu số.

m) Ủy ban nhân dân các quận - huyện: Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hành động trên địa bàn quản lý; đẩy mạnh phối hợp liên ngành, đặc biệt là trong việc lồng ghép các biển dân số trong công tác kế hoạch hóa và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

n) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên: Vận động các tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động về dân số - sức khỏe sinh sản.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tham gia những hoạt động nhằm đảm bảo bình đẳng giới, tăng cường sức khỏe và phúc lợi gia đình.

- Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia các hoạt động liên quan đến chăm sóc sức khỏe vị thành niên và thanh niên.

- Liên đoàn Lao động Thành phố tham gia các hoạt động hướng tới đối tượng công nhân, viên chức lao động, đặc biệt là lực lượng lao động nhập cư tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Hội Người cao tuổi tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Hội Kế hoạch hóa gia đình tham gia công tác dân số - sức khỏe sinh sản cho các nhóm đối tượng người nhập cư, người khuyết tật, người nhiễm HIV.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua Sở Y tế để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hứa Ngọc Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3911/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 3102/BC-STP-VB ngày 16 tháng 7 năm 2012,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1.**

Sửa đổi, bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012 (gọi tắt là Chương trình lập quy

2012) ban hành kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố, hủy bỏ danh mục tại Phụ lục 1 và 2 (ban hành kèm theo Quyết định số 872/QĐ-UBND), gồm 21 văn bản cụ thể như sau:

**1. 02 văn bản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì soạn thảo:**

- Quyết định ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư muối trái bạt trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2017 (Số 4 Phụ lục 1);

- Quyết định ban hành chính sách hỗ trợ phát triển các làng nghề trên địa bàn thành phố giai đoạn 2012 - 2017 (Số 5 Phụ lục 1).

**2. 03 văn bản do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì soạn thảo:**

- Quyết định về tăng cường mức thù lao cho cộng tác viên Dân số - Trẻ em (Số 9 Phụ lục 1);

- Quyết định phê duyệt chương trình tư pháp thân thiện với người chưa thành niên vi phạm pháp luật (Số 12 Phụ lục 1);

- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Ban quan hệ lao động cấp tỉnh (Số 4 Phụ lục 2).

**3. 02 văn bản do Sở Nội vụ chủ trì soạn thảo:**

- Quyết định về phân cấp quản lý đối với công chức phường, xã, thị trấn (Số 23 Phụ lục 1);

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 110/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tuyển dụng, công chức phường, xã, thị trấn (Số 40 Phụ lục 2).

**4. 02 văn bản do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo:**

- Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về Cột đo xăng dầu (Số 33 Phụ lục 1);

- Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về Taximet (Số 34 Phụ lục 1).

**5. 01 văn bản do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì soạn thảo:**

- Quyết định ban hành Quy trình thủ tục thành lập trường phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Số 36 Phụ lục 1).

**6. 01 văn bản do Sở Tài chính chủ trì soạn thảo:**



- Quyết định về Chương trình, định hướng và giải pháp phát triển doanh nghiệp nhà nước thành phố giai đoạn năm 2011 - 2015 (Số 42 Phụ lục 1).

**7. 02** văn bản do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo:

- Quyết định ban hành mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Số 53 Phụ lục 1);

- Chỉ thị triển khai thực hiện Luật Trọng tài thương mại và Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Trọng tài thương mại (Số 69 Phụ lục 2).

**8. 04** văn bản do Sở Xây dựng chủ trì soạn thảo:

- Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý chất lượng các công trình xây dựng có tầng hầm và xây dựng ngầm (Số 75 Phụ lục 1);

- Quyết định ban hành Quy định về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội thay thế Quyết định số 68/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố (Số 22 Phụ lục 2);

- Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nhà ở công vụ thay thế Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố (Số 23 Phụ lục 2);

- Quyết định ban hành Quy định về quản lý nhà thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố (Số 26 Phụ lục 2).

**9. 02** văn bản do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì soạn thảo:

- Quyết định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất thải nguy hại E-manifest, định vị GPS (Số 55 Phụ lục 2);

- Quyết định về ban hành Quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn Thành phố (thay thế Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND) (Số 56 Phụ lục 2).

**10. 02** văn bản do Công an Thành phố chủ trì soạn thảo:

- Chỉ thị về lãnh đạo công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012 (Số 82 Phụ lục 1);

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ các thủ tục hành chính áp dụng tại Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, nhà ở và công sở (Số 63 Phụ lục 2).

**Điều 2. Điều chỉnh 02 văn bản trong Chương trình lập quy 2012**

1. Thay đổi cơ quan chủ trì soạn thảo Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý nhà nước về công tác dân tộc (Số 31 Phụ lục 1) từ Sở Nội vụ sang Ban Dân tộc Thành phố; Thời gian trình: Quý IV/2012.

2. Chuyển hình thức văn bản Quyết định ban hành Đề án phát triển nghề luật sư đến năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh (Số 46 Phụ lục 2) sang hình thức Kế hoạch phát triển nghề luật sư đến năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp; Thời gian trình: Quý III/2012.

### **Điều 3. Bổ sung vào Chương trình lập quy 2012 các văn bản sau:**

1. Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn thành phố. Cơ quan chủ trì soạn thảo: **Sở Tư pháp**; Thời gian trình: Quý III/2012.

2. Quyết định ban hành Quy định trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông trong lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và hộ khẩu trên địa bàn thành phố. Cơ quan chủ trì soạn thảo: **Sở Tư pháp**; Thời gian trình: Quý III/2012.

3. Quyết định ban hành mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và tỷ lệ phần trăm trích lại cho cơ quan thu phí, lệ phí về giao dịch bảo đảm thuộc ngành tài nguyên và môi trường. Cơ quan chủ trì soạn thảo: **Sở Tư pháp**; Thời gian trình: Quý IV/2012.

### **Điều 4. Sửa đổi kinh phí hỗ trợ cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

1. Mức kinh phí hỗ trợ cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với các văn bản do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 như sau:

a) Quyết định được ban hành mới hoặc thay thế: 9.000.000 đồng/văn bản.

b) Quyết định sửa đổi, bổ sung: 7.200.000 đồng/văn bản.

c) Chỉ thị: 3.500.000 đồng/văn bản.

2. Nội dung chi và mức chi cụ thể cho hoạt động xây dựng và hoàn thiện văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2010 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp.

3. Giao Sở Tài chính theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định pháp luật.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm thanh toán kinh phí theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này cho cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện xong thủ tục trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 5.** Phê duyệt kinh phí cấp cho Sở Tư pháp chủ trì xây dựng Quyết định điều chỉnh Chương trình lập quy 2012 là 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Trí**

**SỞ CÔNG THƯƠNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4619/SCT-QLNL

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2012*

Về hướng dẫn triển khai việc thực hiện dán nhãn năng lượng theo Quyết định số 51/2011/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2012/TT-BCT về dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng

Kính gửi:

- Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận - huyện;
- Các cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng;
- Các Trung tâm thương mại, điện máy, siêu thị, chợ trên địa bàn thành phố.

Triển khai Quyết định số 51/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện và Thông tư số 07/2012/TT-BCT ngày 04 tháng 4 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng, nhằm giúp doanh nghiệp thuận lợi trong việc triển khai dán nhãn năng lượng, Sở Công Thương Thành phố hướng dẫn một số nội dung quy định về dán nhãn năng lượng như sau:

**1. Các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng phải thực hiện dán nhãn năng lượng bắt buộc và lộ trình thực hiện theo quy định tại Quyết định số 51/2011/QĐ-TTg, gồm:**

a) Nhóm thiết bị gia dụng: Đèn huỳnh quang ống thẳng, đèn huỳnh quang compact, chấn lưu điện từ và điện tử cho đèn huỳnh quang, máy điều hòa nhiệt độ, tủ

lạnh, máy giặt sử dụng trong gia đình, nồi cơm điện, quạt điện, máy thu hình. Lộ trình dán nhãn năng lượng cho các thiết bị này được áp dụng bắt buộc từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và lộ trình áp dụng hiệu suất năng lượng tối thiểu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Đối với sản phẩm đèn tròn (đèn sợi đốt) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 không được nhập khẩu, sản xuất loại đèn có công suất lớn hơn 60W.

b) Nhóm thiết bị văn phòng và thương mại: Máy photô copy, màn hình máy tính, máy in, tủ giữ lạnh thương mại. Khuyến khích dán nhãn năng lượng tự nguyện đối với nhóm này. Riêng tủ giữ lạnh thương mại áp dụng dán nhãn năng lượng bắt buộc từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Lộ trình áp dụng hiệu suất năng lượng tối thiểu cho nhóm thiết bị này được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và cũng từ thời gian trên không được phép nhập khẩu, sản xuất các thiết bị có hiệu suất năng lượng thấp hơn mức hiệu suất năng lượng tối thiểu.

c) Nhóm thiết bị công nghiệp: Máy biến áp phân phối, động cơ điện. Lộ trình dán nhãn năng lượng bắt buộc từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và lộ trình áp dụng hiệu suất năng lượng tối thiểu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và cũng từ thời gian trên không được phép nhập khẩu, sản xuất các thiết bị có hiệu suất năng lượng thấp hơn mức hiệu suất năng lượng tối thiểu.

d) Nhóm phương tiện giao thông vận tải: Xe ô tô con (loại 7 chỗ trở xuống). Lộ trình dán nhãn bắt buộc từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

## **2. Trình tự thủ tục đánh giá và cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng thực hiện theo các bước sau đây:**

a) Thử mẫu điển hình: Các cơ sở sản xuất, nhập khẩu tự lấy mẫu phương tiện, thiết bị; số lượng và phương pháp lấy mẫu thử theo tiêu chuẩn tương ứng hoặc theo quy định của Bộ Công Thương và gửi tới tổ chức thử nghiệm được Bộ Công Thương chỉ định để thử nghiệm theo tiêu chuẩn tương ứng để được cấp phiếu kết quả thử nghiệm.

b) Lập hồ sơ gửi về Tổng Cục Năng lượng - Bộ Công Thương, hồ sơ bao gồm:

- Giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng cho phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng, trong đó nêu rõ doanh nghiệp đăng ký dán nhãn năng lượng so sánh hay nhãn xác nhận theo mẫu tại phụ lục 1 kèm theo danh mục các phương tiện, thiết bị.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng).

- Bản sao của hợp đồng với các nhà cung cấp hàng hóa ở nước ngoài (đối với các nhà nhập khẩu) và Tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.
- Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa (bản sao có dấu xác nhận của người đứng đầu doanh nghiệp), bản mô tả tóm tắt các thông số đặc trưng cơ bản của phương tiện, thiết bị.
- Kết quả thử nghiệm do tổ chức thử nghiệm được chỉ định cấp có thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày cấp.
- Hồ sơ, tài liệu, quy trình quản lý chất lượng của doanh nghiệp.
- Hồ sơ, chứng chỉ quản lý chất lượng liên quan: Đối với trường hợp đại lý nộp thay cho nhà sản xuất ở nước ngoài, đại lý phải xuất trình Giấy ủy quyền. Trường hợp các hồ sơ, tài liệu nêu trên bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và có công chứng.

### **3. Sử dụng nhãn năng lượng:**

- Nhãn năng lượng được sử dụng thống nhất theo quy định của Bộ Công Thương, hình thức, mẫu phải in theo mẫu quy định tại phụ lục 2 kèm theo Công văn này.
- Sau khi được cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng, các doanh nghiệp tự in nhãn năng lượng và dán lên phương tiện, thiết bị đã đăng ký theo mức năng lượng xác định trong giấy chứng nhận được cấp.
- Nhãn năng lượng gắn lên phương tiện, thiết bị hoặc bao bì gói có kích thước phù hợp được thay đổi kích thước tăng giảm theo tỷ lệ, không được gây nhầm lẫn, che lấp hoặc ảnh hưởng tới thông tin ghi trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật.
- Hết thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận, doanh nghiệp không được tiếp tục dán nhãn năng lượng và phải đăng ký lại.

### **4. Triển khai thực hiện:**

#### **a) Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp Thành phố:**

- Tổ chức tuyên truyền về chủ trương dán nhãn năng lượng cho các doanh nghiệp sản xuất phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng bắt buộc phải dán nhãn năng lượng thuộc địa bàn quản lý.
- Theo quy định thì bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 một số phương tiện, thiết bị sử dụng điện sẽ bắt buộc áp dụng hiệu suất năng lượng tối thiểu, do đó đề nghị Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố tuyên truyền, phổ

biến nội dung này đến toàn thể các doanh nghiệp nhằm tránh trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu các thiết bị có hiệu suất năng lượng tối thiểu không đạt chuẩn theo quy định, dẫn đến gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Rà soát số lượng doanh nghiệp sản xuất thuộc địa bàn và thống kê các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu các phương tiện, thiết bị bắt buộc phải dán nhãn năng lượng gửi về Sở Công Thương tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương để hướng dẫn làm thủ tục dán nhãn năng lượng.

#### **b) Ủy ban nhân dân các quận - huyện:**

- Tổ chức tuyên truyền về chủ trương dán nhãn năng lượng cho các doanh nghiệp sản xuất, cơ sở nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng bắt buộc phải dán nhãn năng lượng thuộc địa bàn quản lý.

- Theo quy định thì bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 một số phương tiện, thiết bị sử dụng điện sẽ bắt buộc áp dụng hiệu suất năng lượng tối thiểu, do đó đề nghị Ủy ban nhân dân các quận - huyện tuyên truyền, phổ biến nội dung này nhằm tránh trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu các thiết bị có hiệu suất năng lượng tối thiểu không đạt chuẩn theo quy định, dẫn đến gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Rà soát số lượng doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu trên địa bàn và thống kê các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu các phương tiện, thiết bị bắt buộc phải dán nhãn năng lượng gửi về Sở Công Thương tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương để hướng dẫn làm thủ tục dán nhãn năng lượng.

#### **c) Các cơ sở sản xuất, nhập khẩu:**

- Thực hiện lấy mẫu phương tiện, thiết bị gửi tổ chức thử nghiệm do Bộ Công Thương chỉ định (hiện nay đơn vị được Bộ Công Thương chỉ định thử nghiệm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3, địa chỉ số 31 Hàn Thuyên, quận 1).

- Sau khi có kết quả thử nghiệm của cơ quan được chỉ định thử nghiệm, doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu làm thủ tục theo hướng dẫn nêu trên gửi về Tổng Cục Năng lượng - Bộ Công Thương để được xem xét cấp giấy chứng nhận dán nhãn năng lượng.

#### **d) Các Trung tâm thương mại, điện máy, siêu thị, chợ...**

- Ban Quản lý các Trung tâm thương mại, điện máy, siêu thị, chợ tổ chức phổ

biến đến các tiêu thương về chủ trương dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng.

- Thông báo đến các tiêu thương là từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 trở đi các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc nhóm thiết bị gia dùng phải thực hiện dán nhãn năng lượng bắt buộc trước khi lưu hành trên thị trường. Sau thời gian trên, cơ quan chức năng sẽ tiến hành kiểm tra doanh nghiệp sản xuất, đơn vị nhập khẩu và nếu phát hiện vi phạm về dán nhãn năng lượng sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 73/2011/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Trong quá trình triển khai đề nghị các cơ quan, đơn vị tham khảo Quyết định số 51/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện và Thông tư số 07/2012/TT-BCT ngày 04 tháng 4 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về dán nhãn năng lượng cho các phương tiện và thiết bị sử dụng năng lượng, tại địa chỉ Website của Sở Công Thương TP. Hồ Chí Minh: <http://www.congthuong.hochiminhcity.gov.vn> hoặc liên hệ trực tiếp với Sở Công Thương theo số điện thoại 38 292 441 - 38 221 775 để được hướng dẫn cụ thể hơn./.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Lai**



**SỞ Y TẾ**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3426/HD-SYT-KHHGD

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2012*

**HƯỚNG DẪN**

**Thi hành một số điều của Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành  
chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình  
giai đoạn 2011 - 2015**

Căn cứ Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2011 - 2015.

Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh hướng dẫn thi hành một số điều của Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 (sau đây gọi tắt là Quyết định) như sau:

**Điều 2. Chính sách và nơi cung cấp dịch vụ đối với người áp dụng biện pháp tránh thai**

**1. Chính sách đối với người áp dụng biện pháp tránh thai.**

a) Người áp dụng biện pháp đặt dụng cụ tử cung được tư vấn, cấp thuốc theo quy định của Bộ Y tế; được miễn phí hoàn toàn khi thực hiện việc tái khám và tháo dụng cụ tử cung tại các đơn vị y tế.

b) Người áp dụng biện pháp triệt sản tại các cơ sở quy định tại điểm b được miễn phí hoàn toàn; được cấp thuốc theo quy định của Bộ Y tế; được cấp thẻ bảo hiểm sức khỏe (bảo hiểm Bảo Việt) trong 02 năm; nam áp dụng biện pháp triệt sản được nhận 20 bao cao su; được nhận tiền hỗ trợ theo quy định của Trung ương, thành phố và phần khuyến khích của địa phương. Nhận tiền hỗ trợ tại Phòng Y tế quận - huyện.

c) Đối với trường hợp triệt sản kết hợp: những người phẫu thuật một bệnh nào đó hoặc sinh con và bác sỹ chỉ định mổ kết hợp triệt sản vì lý do sức khỏe, đơn vị y tế đó sẽ cấp phiếu tự nguyện triệt sản hoặc giấy xuất viện có ghi nội dung triệt sản, người triệt sản đó vẫn được hưởng các chế độ như quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của Hướng dẫn này.

d) Người triệt sản tại các Bệnh viện ngoài công lập, các Bệnh viện hoặc Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe sinh sản thuộc các tỉnh, thành phố khác nếu có giấy chứng nhận phẫu thuật triệt sản thì liên hệ Phòng Y tế quận - huyện nơi cư trú để nhận các chế độ chính sách như quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của Hướng dẫn này.

2. Điều kiện để người áp dụng biện pháp triệt sản được hưởng chính sách về dân số và kế hoạch hóa gia đình phải là người có đăng ký sử dụng biện pháp tránh thai, được Cộng tác viên dân số và kế hoạch hóa gia đình quản lý trong hệ thống sổ theo dõi ban đầu về dân số và kế hoạch hóa gia đình;

3. Nơi cung cấp dịch vụ áp dụng biện pháp tránh thai và xử lý tai biến khi vỡ kế hoạch theo quy định tại các Điểm a, b, c, Khoản 2, Điều 2 của Quyết định.

### **Điều 3. Khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện tốt công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình.**

1. Tiêu chuẩn xét khen thưởng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện tốt công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 1, Điều 3 của Quyết định được thực hiện như sau:

- Tiêu chuẩn xét khen thưởng Phòng Y tế quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn hàng năm, căn cứ theo kết quả đánh giá xếp loại thi đua của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình Thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện.

- Phòng Y tế quận - huyện phối hợp với Liên đoàn Lao động quận - huyện hướng dẫn Công đoàn cơ sở trực thuộc đưa các chỉ tiêu thi đua về thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình vào Nghị quyết, Nội quy, Quy chế và Thỏa ước lao động hàng năm của đơn vị; đồng thời tổ chức kiểm tra, đánh giá, đề xuất Ủy ban nhân dân quận - huyện khen thưởng hoặc đề xuất Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đề nghị Sở Y tế khen thưởng theo quy định.

- Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản thành phố thực hiện việc giao chỉ tiêu thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình hàng năm cho các cơ sở y tế và đề xuất Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đề nghị Sở Y tế khen thưởng theo quy định đối với những cơ sở y tế hoàn thành xuất sắc.

2. Mức khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích về công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình:

Thực hiện theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, e, Khoản 2, Điều 3 của Quyết định.

3. Cơ quan có thẩm quyền xem xét, đề xuất khen thưởng:

Thực hiện theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, Khoản 3, Điều 3 của Quyết định.

4. Cơ quan Quyết định khen thưởng:

Thực hiện theo quy định tại các Điểm a, b, Khoản 4, Điều 3 của Quyết định.

#### **Điều 4. Thời điểm áp dụng**

1. Mức hỗ trợ, bồi dưỡng người áp dụng biện pháp triệt sản, người có công vận động người khác thực hiện biện pháp triệt sản và đơn vị y tế thực hiện tốt các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo quy định tại Quyết định áp dụng đối với các trường hợp được thực hiện kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2012;

2. Mức khen thưởng phường - xã, thị trấn, khu phố, ấp không có người sinh con thứ 3 trở lên trong năm 2011 áp dụng theo quy định tại Quyết định số 87/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2006; năm 2012 và những năm tiếp theo áp dụng theo quy định tại Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012;

3. Mức khen thưởng phường - xã, thị trấn, khu phố, ấp không có người sinh con thứ 3 trở lên trong 2 năm 2010 và 2011 áp dụng theo quy định tại Quyết định số 87/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2006;

4. Mức khen thưởng phường - xã, thị trấn; khu phố, ấp không có người sinh con thứ 3 trở lên trong 2 năm 2011, 2012 và những năm tiếp theo áp dụng theo quy định tại Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012./.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Tô Thị Kim Hoa**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [ttcb@tphcm.gov.vn](mailto:ttcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng